

Biểu mẫu 18

**ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA TÂM LÝ GIÁO DỤC**

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh		<p>1. Về văn bằng Đối tượng tuyển sinh gồm những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác: - Ngành đúng: Tâm lý học, Tâm lý - Giáo dục học; - Ngành gần: (Các ngành có chương trình đào tạo khác biệt từ 10-40% tổng số tín chỉ của khối kiến thức ngành): Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên Công tác xã hội - Ngành khác: Xã hội học và nhân học Văn hóa học Y tế công cộng Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân Đối với những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần và ngành khác được coi là đủ điều kiện dự thi khi đã thực hiện đầy đủ các điều kiện chuyển đổi</p> <p>2. Về kinh nghiệm nghề nghiệp Những người có bằng tốt nghiệp ở các trường đại học, có</p>					

		<p>ngành phù hợp với chuyên ngành Tâm lý học xếp loại học lực khá trở lên thì sẽ được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.</p> <p>Các trường hợp còn lại: có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục hoặc hỗ trợ tâm lý học đường tại các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo khác kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.</p> <p>3. Bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh thuộc nhóm ngành đúng, ngành phù hợp, tốt nghiệp đại học dưới 5 năm tính đến thời điểm dự thi, không cần học bổ sung; - Thí sinh dự thi thuộc các ngành khác, ngành gần và nhóm thí sinh thuộc nhóm ngành đúng, ngành phù hợp tốt nghiệp đại học trên 5 năm tính đến thời điểm dự thi, phải học bổ sung các học phần <p>4. Có đủ sức khỏe để học tập: Có giấy xác nhận đủ sức khỏe học tập của cơ quan y tế có trách nhiệm</p> <p>5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo</p>					
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ	<p>1. Mục tiêu chung</p> <p>Mục tiêu chung của đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tâm lý</p>					

	ngoại ngữ đạt được	<p>học là giúp người học bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; hình thành kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tâm lý học trường học và các kỹ năng cốt lõi cho hoạt động thực tiễn nghề nghiệp, giải quyết tốt những vấn đề thuộc chuyên ngành tâm lý học: có các khả năng nghiên cứu, đánh giá, phòng ngừa, can thiệp các vấn đề tâm lý và kết nối các nguồn lực hỗ trợ cộng đồng nói chung và đặc biệt là hướng tới trẻ em – học sinh tại các trường học và các cơ sở giáo dục đào tạo, hỗ trợ sự phát triển toàn diện nhân cách học sinh, xây dựng môi trường sức khỏe tâm thần học đường lành mạnh.</p> <p>Hoàn thành chương trình đào tạo, học viên được cấp bằng Thạc sĩ Tâm lý học; có thể làm công việc của cán bộ tâm lý tại các cấp trường học và tại các cơ sở, trung tâm thực hiện chức năng giáo dục đào tạo.</p> <p>Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Tâm lý học được thực hiện theo 02 hướng: hướng nghiên cứu và hướng ứng dụng.</p> <p>2. Mục tiêu cụ thể cho từng định hướng đào tạo</p> <p>a. Theo định hướng nghiên cứu</p>								
--	-----------------------	---	--	--	--	--	--	--	--	--

		<p>Đào tạo Thạc sĩ ngành Tâm lý học theo định hướng nghiên cứu giúp cho người học có: hệ thống tri thức tâm lý học liên quan đến vấn đề nghiên cứu khoa học tâm lý học, khoa học chẩn đoán, đánh giá và đo lường trong tâm lý học trường học, công tác phòng ngừa và phát triển toàn diện nhân cách học sinh, tư vấn, tham vấn, trị liệu và kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho học sinh; các phẩm chất đạo đức nghề: trung thực, chấp nhận sự khác biệt, thấu cảm, tôn trọng, khát vọng học tập, giao tiếp và hợp tác tốt; tư duy độc lập và sáng tạo; các năng lực cần thiết của nhà nghiên cứu về lĩnh vực tâm lý học trường học: năng lực thiết kế nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý học trường học; năng lực sử dụng các phương pháp nghiên cứu; năng lực xử lý thông tin nghiên cứu; khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ về khoa học Tâm lý học; cơ sở nền tảng để ứng dụng thành công vào thực tiễn hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường cho trẻ em tại các cơ sở GD&ĐT; khả năng thực hiện công tác giảng dạy, bồi dưỡng nghiên cứu</p>				
--	--	---	--	--	--	--

tâm lý học nói chung và tâm lý học trường học nói riêng trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

b. Theo định hướng ứng dụng

Đào tạo Thạc sĩ ngành Tâm lý học theo định hướng ứng dụng giúp cho người học có thể lĩnh hội được:

hệ thống tri thức tâm lý học liên quan đến vấn đề nghiên cứu khoa học tâm lý học, khoa học chẩn đoán, đánh giá và đo lường trong tâm lý học, công tác phòng ngừa và phát triển toàn diện nhân cách học sinh, tư vấn, tham vấn, trị liệu và kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho học sinh;

các phẩm chất đạo đức nghề cho người học: trung thực, chấp nhận sự khác biệt, thấu cảm, tôn trọng, khát vọng học tập, giao tiếp và hợp tác tốt; tư duy độc lập và sáng tạo;

các năng lực cần thiết của nhà thực hành tâm lý học, đặc biệt là trong lĩnh vực tâm lý học trường học:

năng lực nghiên cứu (thiết kế nghiên cứu, sử dụng các phương pháp nghiên cứu, xử lý thông tin nghiên cứu...);

năng lực chẩn đoán, đánh giá tâm lý (lựa chọn các phương pháp chẩn đoán đánh giá, xây dựng thang đánh giá, tiêu chí đánh giá,

		<p>thu thập và diễn giải kết quả đánh giá, đưa ra khuyến nghị)</p> <p>năng lực can thiệp (can thiệp phòng ngừa cho 80% học sinh, giảm các nguy cơ rối nhiễu tâm lý trước các sự kiện gây sang chấn; can thiệp chuyên môn: tư vấn, tham vấn và trị liệu cho 15% học sinh có các rối nhiễu ở dạng nhẹ và vừa; can thiệp chuyên sâu: trị liệu cho 5% học sinh có rối nhiễu ở dạng nặng cần có các can thiệp chuyên sâu)</p> <p>năng lực kết nối các nguồn lực hỗ trợ: Đánh giá được nội lực và ngoại lực của học sinh, kết nối với các nguồn lực hỗ trợ tâm lý khác: trung tâm trị liệu tâm lý, bệnh viện, pháp luật... nhằm hỗ trợ đồng bộ và đa diện cho học sinh có khó khăn tâm lý;</p> <p>khả năng học tập liên tục nâng cao trình độ, kiến thức chuyên ngành;</p> <p>cơ sở nền tảng giúp người học ứng dụng thành công vào thực tiễn hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường cho trẻ em tại các cơ sở GD&ĐT;</p> <p>khả năng hướng dẫn thực hành, giám sát và quản lý hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường</p>					
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh	<p>1- Đối tượng ưu tiên</p> <p>a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến</p>					

hoạt cho người học		<p>ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;</p> <p>b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;</p> <p>c) Con liệt sĩ;</p> <p>d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;</p> <p>đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, mục này;</p> <p>f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.</p> <p>2- Mức ưu tiên Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi hoặc kiểm tra.</p> <p>3. Các trường hợp</p>				
--------------------	--	---	--	--	--	--

		<p>xét miễn thi ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành; - Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng; - Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ dưới đây (được cấp trong vòng 2 năm tính từ ngày nộp hồ sơ) <p>4. Điều kiện chuyển tiếp sinh đào tạo thạc sĩ: Người tốt nghiệp đại học thỏa mãn các tiêu chuẩn sau đây được chuyển tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành Tâm lý học, Tâm lý-Giáo dục học hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành dự thi, xếp loại giỏi trở lên. 								
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Được khen thưởng (bằng khen, giấy khen) cấp trường trở lên về học tập hoặc nghiên cứu khoa học. - Trong danh sách 10% sinh viên tốt nghiệp đứng đầu của ngành đào tạo. - Đủ yêu cầu ngoại ngữ như người dự thi. 					
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	TÂM LÝ HỌC (<i>chuyên ngành: Tâm lý học đường</i>)					
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp, người học có thể học tiếp bậc Tiến sĩ để nâng cao trình độ cũng như nghiên cứu tại các Viện, Trung tâm, các trường Đại học,...					
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Các trường học từ bậc Mầm non, tiểu học đến Đại học - Các cơ quan quản lý giáo dục: phòng giáo dục, sở giáo dục và bộ giáo dục - Các cơ sở can thiệp tâm lý học đường, trẻ em và thanh thiếu niên - Các tổ chức trong và ngoài nước về tâm lý học đường - Các cơ quan và tổ chức có hoạt động giáo dục 					

....., ngày tháng năm ...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 18

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐƠN VỊ**THÔNG BÁO****Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2021-2022**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số								
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II								
3	Khối ngành III								
4	Khối ngành IV								
5	Khối ngành V								
6	Khối ngành VI								
7	Khối ngành VII								

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			SL SVTN có việc làm	SL SVTN đang học nâng cao	Tổng số SVTN được khảo sát	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá				
	Tổng số								
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II								
3	Khối ngành III								
4	Khối ngành IV								
5	Khối ngành V								
6	Khối ngành VI								
7	Khối ngành VII								

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Chương trình Cử nhân Tâm lý học

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Tin học đại cương (Tin học CN1)	- Học phần cung cấp kiến thức về công nghệ thông tin, internet và an toàn và bảo mật thông tin, giúp sinh viên làm chủ được môi trường internet, sử dụng được các dịch vụ; - Học phần trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong tin học văn phòng.	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 60 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/Thực hành/
2.	Triết học Mác-Lênin	1. Hiểu được kiến thức khái quát về triết học. 2. Hiểu đúng vấn đề cơ bản của triết học, quan điểm của triết học Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học. 3. Hiểu được vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. 4. Hiểu đúng những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật: mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; hai nguyên lý; 03 quy luật; 06 cặp phạm trù; 5. Hiểu đúng mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội; biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội; 6. Chứng minh được sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. 7. Hiểu đúng vấn đề giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề con người; vai trò của quần chúng nhân dân, vĩ nhân, lãnh tụ.	3	35 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 90 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm
3.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	1. Hiểu được sự hình thành, phát triển, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. 2. Hiểu được lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa, hàng hóa, giá trị thặng dư, các kiến thức cơ bản về thị trường, cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 3. Trình bày được quan niệm của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các kiến thức liên quan đến quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. 4. Hiểu được các kiến thức liên quan đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. 5. Ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với	3	35 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 90 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.			
4.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>1. Hiểu được chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin; hoàn cảnh lịch sử, vai trò của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đối với sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng và phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>2. Trình bày được khái niệm, đặc điểm giai cấp công nhân, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; hiểu được nội dung, phương hướng xây dựng, phát triển giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.</p> <p>3. Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>4. Giải thích được quan điểm của chủ nghĩa chủ nghĩa, Nhà nước xã hội chủ nghĩa, về dân pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện</p> <p>5. Phân tích được cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong chủ nghĩa xã hội và vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>6. Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình ở Việt Nam hiện nay.</p>	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 90 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>1. Hiểu được quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhận thức đúng về vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>2. Nhận thức đúng đường lối cách mạng của Đảng trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975).</p> <p>3. Hiểu được những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ Đổi mới trên một số lĩnh vực</p>	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>ơ bản của đời sống xã hội (1975-2018).</p> <p>4. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Sinh viên nắm vững đường lối của Đảng, từ đó vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.</p> <p>5. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.</p>			
6.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>1. Hiểu được bối cảnh lịch sử - xã hội, các nhân tố góp phần hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Trình bày được hệ thống tư tưởng, văn hóa và đạo đức của Hồ Chí Minh</p> <p>3. Phân tích được những sáng tạo về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh.</p> <p>4. Đánh giá đúng sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>5. Xây dựng được lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự phát triển đất nước; vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện đạo đức, tác phong và công tác của bản thân; dũng cảm đấu tranh chống những quan điểm và hiện tượng sai trái.</p>	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm
7.	Pháp luật đại cương	<p>1. Hiểu được khái niệm, nguồn gốc, bản chất, chức năng, vai trò của Nhà nước, các cơ quan cấu thành bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nguồn gốc, bản chất, chức năng pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật.</p> <p>2. Hiểu được khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật và sự kiện pháp lý.</p> <p>3. Giải thích được các hình thức thực hiện pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4. Hiểu đúng một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Dân sự, Luật Hình sự,</p>	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Luật Hành chính và Luật Phòng chống tham nhũng. 5. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người học, xử lý được các tình huống pháp luật trong thực tiễn.			
8.	Công tác xã hội	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người học có kiến thức cơ bản về công tác xã hội 2. Người học vận dụng được các nguyên tắc/ quy trình/ phương pháp công tác xã hội vào việc xây dựng hoạt động hỗ trợ tâm lý 3. Người học tham gia vào các hoạt động tập thể để môi trường học tập phát triển hoạt động nhóm để thực hiện các hoạt động học tập 	3	35 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận)
9.	Lịch sử tâm lý học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người học có kiến thức cơ bản về lịch sử tâm lý học, sự nảy sinh tư tưởng tâm lý qua các thời kỳ, các trường phái tâm lý học khách quan, sự ra đời của tâm lý học với tư cách là khoa học độc lập, tâm lý học hoạt động 2. Người học đánh giá được thành tựu của các trường phái tâm lý và đề xuất được hướng ứng dụng các lý thuyết này vào công tác giáo dục và quản lý con người, tham vấn và trị liệu. 	3	25 tiết lý thuyết 20 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi vấn đáp)
10.	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kiến thức tổng quan về giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao. 2. Vận dụng kiến thức về giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao để giải thích được cơ sở sinh lý của các hoạt động tâm lý. 3. Vận dụng kiến thức về giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao vào học tập và cuộc sống 4. Thái độ tích cực, chủ động và trách nhiệm trong học tập. 	4	45 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 120 tiết tự học	Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực tế, thực hành, thí nghiệm
11.	Logic học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày được các cách định nghĩa khái niệm, phân chia khái niệm, các quy luật của tư duy logic hình thức 2. Thực hiện được xác định chu diên của các thuật ngữ trong phán đoán, thực hiện được các bài tập về phán đoán đơn, viết công thức, xác định đẳng trị của các phán đoán phức. 	2	18 tiết lý thuyết 12 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Lý thuyết/Thảo luận/ Thực hành/Thí nghiệm/tự luận

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>3. Nắm được các nguyên tắc của suy luận trực tiếp và suy luận gián tiếp.</p> <p>4. Xây dựng được các tam đoạn luận, công thức hóa các phán đoán, lập bảng giá trị, xây dựng được các tam đoạn luận rút gọn.</p>			
12.	Tâm lý học đại cương 1	<p>- Người học có kiến thức khái quát về khoa học tâm lý, về những phạm trù cơ bản của tâm lý học</p> <p>- Hình thành quan niệm đúng đắn về bản chất tâm lý, ý thức người, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các nội dung của tâm lý học chuyên ngành</p> <p>- Vận dụng giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến bản chất tâm lý người, cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý người, vấn đề tâm lý-ý thức và nhân cách con người.</p>	2	<p>Giới thiệu đề cương học phần (1 tiết)</p> <p>Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, các phân ngành của Tâm lý học (5 tiết)</p> <p>Chương 2: Tâm lý học và các khoa học về con người (4 tiết)</p> <p>Chương 3: Các phương pháp nghiên cứu của TLH (4 tiết)</p> <p>Chương 4: Sự phát triển tâm lý người và động vật (4 tiết)</p> <p>Chương 5: Bản chất tâm lý người (6 tiết)</p> <p>Chương 6: Ý thức - nhân cách (6 tiết)</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập)</p> <p>Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân</p> <p>Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)</p>
13.	Kỹ năng học tập	<p>Học phần Kỹ năng học tập nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến tổ chức hoạt động học tập, đặc trưng học tập ở trường đại học, những yêu cầu, nhiệm vụ học tập trong trường Đại học, chương trình đào tạo ngành Tâm lý học. Đặc biệt, hình thành cho sinh viên những kỹ năng học tập cơ bản như: tìm kiếm và khai thác thông tin, các kỹ năng học tập trên lớp và các kỹ năng tự học. Ngoài ra, còn hình thành ở sinh viên thái độ học tập tích cực, chủ động và có trách nhiệm trong học tập.</p>	2	<p>Tuần 1. Giới thiệu môn học, mục tiêu, chuẩn đầu ra, tài liệu, phương pháp và yêu cầu học tập. (2 tiết)</p> <p>Tuần 2. Chương 1. Đặc trưng học tập ở trường đại học (2 tiết)</p> <p>Tuần 2. Chương 2. Tổ chức các điều kiện để học tập hiệu quả (2 tiết)</p> <p>Tuần 3 - tuần 7. Chương 2 (tiếp theo) (10 tiết)</p> <p>Tuần 8. Các kỹ năng học tập cơ bản ở đại học (14</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập)</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: (30%) nhật ký môn học</p> <p>Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)</p>

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
				tiết)	
14.	Kỹ năng giao tiếp	Học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp như khái niệm, chức năng, vai trò, phân loại, các nguyên tắc, phương tiện giao tiếp và các kỹ năng giao tiếp trực tiếp (KN định hướng, KN tạo ấn tượng ban đầu, KN lắng nghe, KN thuyết trình, KN cho nhận thông tin, KN giải quyết mâu thuẫn, KN thuyết phục, KN quản lý cảm xúc) và kỹ năng giao tiếp gián tiếp (sử dụng điện thoại và thu tín).		10 tiết lý thuyết; 20 tiết thực hành; 60 tiết tự học	1/ Đánh giá quá trình: Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm 2/ Bài tập giữa kỳ: Thực hành 3/Cuối kỳ: thực hành
15.	Tâm lý học đại cương 2	Học phần Tâm lý học đại cương 2 nằm trong hệ thống khối kiến thức cơ sở ngành, kế tiếp tâm lý học đại cương 1 về bản chất các hiện tượng tâm lý người, hoạt động, ý thức và nhân cách, tiếp tục nghiên cứu những hiện tượng và các quy luật cơ bản nhất về hoạt động và các quá trình nhận thức: nhận thức cảm tính (cảm giác, tri giác), nhận thức lý tính (trí nhớ, tư duy, tưởng tượng) và các hiện tượng tâm lý hỗ trợ cho hoạt động nhận thức của con người (chú ý, ngôn ngữ).	4	Tuần 1-3 Chương 1. Phạm trù hoạt động trong Tâm lý học; Tuần 3-4 Chương 2: Chú ý; Tuần 5-6: Chương 3. Cảm giác; Tuần 6-7 Chương 3. Tri giác; Tuần 8: Seminar; Tuần 9-10: Chương 5; Tuần 11-12 Tư duy; Tuần 13: Tưởng tượng; Tuần 14: Ngôn ngữ; Tuần 15: Seminar	1/ Đánh giá quá trình: Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm 2/ Bài tập giữa kỳ: Tự luận 3/Cuối kỳ: vấn đáp
16.	Tâm lý học đại cương 3	Học phần <i>Tâm lý học đại cương 3</i> gồm những nội dung cơ bản: khái niệm nhân cách, cấu trúc tâm lý của nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách; đời sống tình cảm và ý chí của nhân cách; các thuộc tính tâm lý của nhân cách: xu hướng, tính cách, khí chất và năng lực. Các kiến thức của học phần là cơ sở để học tốt các học phần của tâm lý học chuyên ngành.	2	Lý thuyết: 21 tiết; Thảo luận, bài tập: 9 tiết tự học: 60 tiết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)
17.	Thống kê thực hành	1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất; 2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê toán và ứng dụng trong tâm lý học; 3. Trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng phần mềm thống kê giải quyết các bài toán thống kê cơ bản.	3	Lý thuyết: 30 tiết; thực hành: 15 tiết tự học: 90 tiết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18.	Tâm lý học phát triển 1	<p>1. Vận dụng các kiến thức về tâm lý học phát triển để giải thích các hiện tượng tâm lý cá nhân từ giai đoạn bào thai đến 6 tuổi</p> <p>2. Phát hiện các vấn đề nghiên cứu về sự phát triển tâm lý của trẻ em từ giai đoạn bào thai đến 6 tuổi</p> <p>3. Duy trì và phát triển các mối quan hệ trong làm việc nhóm</p> <p>4. Có hành vi và ứng xử phù hợp với trẻ em từng giai đoạn lứa tuổi và với gia đình trẻ</p>	3	<p>Tuần 1: Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phát triển</p> <p>Tuần 2-3: Chương 2. Các quan điểm và lý thuyết về sự phát triển tâm lý người</p> <p>Tuần 4-5: Chương 3. Bản chất của sự phát triển tâm lý người</p> <p>Tuần 6: Chương 4. Giai đoạn bào thai và sự ra đời của trẻ</p> <p>Tuần 7-8: Chương 5. Sự phát triển tâm lý của trẻ từ khi sinh đến 1 tuổi</p> <p>Tuần 9-11: Chương 6. Sự phát triển tâm lý trẻ em từ 1 đến 3 tuổi</p> <p>Tuần 12-15: Chương 7. Sự phát triển tâm lý trẻ mẫu giáo (10 tiết)</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập)</p> <p>Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân)</p> <p>Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi vấn đáp)</p>
19.	Tâm lý học nhân cách	<p>1. Kiến thức cơ bản về nhân cách, các lý thuyết nhân cách, các phương pháp nghiên cứu nhân cách, sự phát triển của tâm lý học nhân cách.</p> <p>2. Vận dụng được một số phương pháp</p>	3	<p>30 tiết lý thuyết</p> <p>15 tiết thực hành</p> <p>90 tiết tự học</p>	<p>Lý thuyết/bài tập thảo luận nhóm/tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>nghiên cứu nhân cách điển hình vào trong nghiên cứu nhân cách.</p> <p>3. Đánh giá được thành tựu của các lý thuyết và đề xuất được hướng ứng dụng chúng vào trong công tác giáo dục và quản lý con người, tham vấn và trị liệu.</p> <p>4. Tích cực học tập và rèn luyện nhân cách nghề nghiệp của bản thân.</p>			
20.	Giáo dục học đại cương	<p>1. Hệ thống kiến thức cơ bản, hiện đại về những vấn đề chung của giáo dục học;</p> <p>2. Hình thành những kỹ năng cơ bản trong việc phân tích các vấn đề giáo dục;</p> <p>3. Bồi dưỡng kỹ năng tự học; thái độ nghề nghiệp cần thiết đối với công việc trong tương lai;</p>		<p>- Lý thuyết: 20;</p> <p>- Thảo luận: 10 tiết;</p> <p>- Tự học: 60 tiết</p>	Lý thuyết/bài tập thảo luận nhóm/tự luận
21.	Thực hành tâm lý học 1	<p>1. Người học nhận diện được các hiện tượng tâm lý người</p> <p>2. Người học có thể giải thích các hiện tượng tâm lý con người.</p> <p>3. Người học có thể phân tích được nét tâm lý cá nhân và đưa ra định hướng phát triển nhân cách cho cá nhân đó.</p> <p>4. Người học có thể nghiên cứu, thực nghiệm hoạt động nhận thức trên các đối tượng khác nhau</p>	2	<p>Tuần 1: Bài 1. Đối tượng của tâm lý học (2 tiết)</p> <p>Tuần 1: Bài 2. Bản chất hiện tượng người (2 tiết)</p> <p>Tuần 2: Bài 3. Tâm lý-ý thức (4 tiết)</p> <p>Tuần 3: Bài 4. Chú ý (4 tiết)</p> <p>Tuần 4: Bài 5. Hoạt động (4 tiết)</p> <p>Tuần 5: Bài 6. Nhân cách (4 tiết)</p> <p>Tuần 6: Bài 7. Bài tập lớn (4 tiết)</p> <p>Tuần 7: Bài 8. Bài tập lớn (4 tiết)</p> <p>Tuần 8: Bài thi giữa kỳ (4 tiết)</p> <p>Tuần 9: Bài 9. Cảm giác – Tri giác (4 tiết)</p> <p>Tuần 10: Bài 10. Trí nhớ + Ngôn ngữ (4 tiết)</p> <p>Tuần 11: Bài 11.</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập và báo cáo nhóm)</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Bài tập thực hành cá nhân)</p> <p>Thi kết thúc học phần: 50% (Bài tập thực hành cá nhân)</p>

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
				Tư duy (4 tiết) Tuần 12: Bài 12. Tương tượng (4 tiết) Tuần 13: Bài 13. Tình cảm-ý chí (4 tiết) Tuần 14: Bài tập thực hành lớn (4 tiết) Tuần 15: Bài tập thực hành lớn (4 tiết) Bài thi cuối kỳ (4 tiết)	
22.	Tâm lý học phát triển 2	Sau khi học xong môn học, người học có: 1. Kiến thức cơ bản về đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em, thanh thiếu niên, người trưởng thành, người trung niên và người cao tuổi. 2. Vận dụng được các kiến thức để giải quyết các vấn đề liên quan đến đặc điểm tâm lý lứa tuổi từ trẻ em đến người già 3. Hình thành thái độ đúng đắn đối với các nội dung và các hoạt động liên quan đến đặc điểm tâm lý lứa tuổi từ trẻ em đến người già.	4	mở đầu: giới thiệu đề cương học phần Chương 1. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi nhi đồng (10 tiết) Chương 2. Đặc điểm tâm lý của lứa tuổi thiếu niên (10 tiết) Chương 3. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi đầu thanh niên (10 tiết) Chương 4. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi thanh niên (8 tiết) kiểm tra giữa kỳ Chương 5. Đặc điểm tâm lý của người trưởng thành, người có tuổi và người cao tuổi (20 tiết)	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30 % (bài tập cá nhân và bài tập nhóm) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (vấn đáp)
	Phương pháp Giáo dục kỹ năng	1. Có các kiến thức cơ bản về giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống. 2. Có năng lực thiết kế và xây dựng kế hoạch	4	- Lý thuyết: 20; -Thảo luận: 20 tiết;	Thuyết trình/thảo luận/bài tập

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	sống	giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho người học 3. Có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho người học 4. Có năng lực phối hợp với các lực lượng giáo dục khác nhau trong giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống 5. Tích cực, chủ động phát triển hoàn thiện bản thân và tích cực trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho người học		-Thực hành, thí nghiệm: 20 tiết -Tự học: 120 tiết	nhóm/thực hành
23.	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	Học phần <i>Phương pháp nghiên cứu tâm lý học</i> trình bày các quan niệm cơ bản, các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu tâm lý người, các giai đoạn nghiên cứu một đề tài tâm lý học, chỉ ra các phương pháp cụ thể nghiên cứu tâm lý người. Hướng dẫn sử dụng các phương pháp nghiên cứu, kỹ năng xử lý các số liệu nghiên cứu, phân tích các số liệu nghiên cứu, rút ra những nhận xét và kết luận khoa học cũng như các ý kiến đề xuất từ kết quả nghiên cứu, hướng dẫn thực hiện một đề tài nghiên cứu tâm lý học.	4	- Lý thuyết: 15; -Thảo luận: 5 tiết; -Thực hành, thí nghiệm: 40 tiết -Tự học: 120 tiết	Thuyết trình/thảo luận/bài tập nhóm/tiểu luận
24.	Tâm lý học chẩn đoán	Học phần <i>Tâm lý học chẩn đoán</i> nằm trong hệ thống tri thức cơ bản dành cho hệ đào tạo cử nhân tâm lý học nhằm trang bị cho người học những quan điểm về lý luận và thực hành về chẩn đoán tâm lý người. Giới thiệu các trắc nghiệm cơ bản để chẩn đoán tâm lý người. Vận dụng các trắc nghiệm đã được thích nghi của thế giới vào Việt Nam.Học phần gồm có 5 chương với các nội dung chính như: Những vấn đề chung của tâm lý học chẩn đoán; Các phương pháp chẩn đoán trí tuệ; Các phương pháp chẩn đoán nhân cách; Trắc nghiệm giáo dục; Chẩn đoán tâm lý trẻ khuyết tật.	3	- Lý thuyết: 30; -Thảo luận, bài tập:15 tiết; -Tự học: 90 tiết	Thuyết trình/thảo luận/bài tập nhóm/ tiểu luận
25.	Thực tế tâm lý học	Thực tế Tâm lý học là học phần gồm 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên chuyên ngành Tâm lý học. Học phần giúp cho sinh viên tìm hiểu thực tế hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, tham vấn tâm lí và giáo dục,... tại các cơ sở giáo dục, các cơ sở	2	Với khối lượng thực tế là 02 tín chỉ được quy đổi thành 60 tiết thực tế tại cơ sở. Các hoạt động thực tế sẽ bao gồm 2 phần:	Kiểm tra thường xuyên: 20% (thái độ) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (hoạt động trong chuyến đi)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cung cấp các dịch vụ tâm lý – giáo dục thông qua quan sát, nghiên cứu văn bản và nghe báo cáo về các hoạt động có liên quan đến ngành nghề trong tương lai: nghiên cứu, giảng dạy, quản lý, tham vấn tâm lý,... Từ đó, sinh viên hiểu rõ về ngành nghề của lĩnh vực khoa học tâm lý để có thái độ tích cực và hướng tới nghề nghiệp phù hợp, góp phần hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp.		Phân làm việc trên lớp. Phân làm việc tại cơ sở	Thi kết thúc học phần: 50% (Bài thu hoạch)
26.	Thực hành tâm lý học 2	Vận dụng các kiến thức của Tâm lý học phát triển để giải thích các hiện tượng phát triển tâm lý người qua từng giai đoạn độ tuổi trong thực tế. Hỗ trợ tâm lý cho từng giai đoạn phát triển	2	60 tiết thực hành/15 tuần	Thực hành
27.	Thực hành phương pháp nghiên cứu tâm lý học	Học phần <i>Thực hành phương pháp nghiên cứu tâm lý học</i> nằm trong hệ thống tri thức thực hành dành cho hệ đào tạo cử nhân tâm lý, nhằm trang bị cho người học những trải nghiệm và kỹ năng vận dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu tâm lý vào thực tiễn và có khả năng xử lý số liệu và đánh giá.	2	60 tiết thực hành/15 tuần	Thực hành
28.	Thực hành chẩn đoán tâm lý	Học phần <i>Thực hành chẩn đoán tâm lý</i> nằm trong hệ thống tri thức thực hành dành cho hệ đào tạo cử nhân tâm lý; nhằm trang bị cho người học những trải nghiệm và kỹ năng vận dụng trực nghiệm tâm lý vào thực tiễn chẩn đoán tâm lý ở các lĩnh vực và độ tuổi khác nhau. Học phần bao gồm 5 phần thực hành: Thực hành chẩn đoán tâm lý trẻ mầm non; thực hành chẩn đoán tâm lý trẻ tiểu học; thực hành chẩn đoán trẻ lứa tuổi vị thành niên; thực hành chẩn đoán lứa tuổi thanh niên và người trưởng thành; thực hành chẩn đoán trẻ khuyết tật.	2	60 tiết thực hành/15 tuần	Thực hành
29.	Kỹ năng tổ chức hoạt động đội nhóm	Sau khi học xong môn học, người học có: 1. Kiến thức cơ bản về đội, nhóm; các nguyên tắc hoạt động của đội, nhóm; phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động nhóm; thiết kế và tổ chức hoạt động. 2. Vận dụng kiến thức vào việc thiết kế và tổ chức các hoạt động đội, nhóm. 3. Hình thành các kỹ năng tổ chức các hoạt động đội, nhóm 4. Thái độ tích cực, chủ động và trách nhiệm trong học tập.	2	Lý thuyết: 30 tiết; Tự học: 60 tiết	Chấm tự luận
30.	Tham vấn	Học phần bao gồm hệ thống các vấn đề về cơ sở hình thành tham vấn tâm lý như một khoa học ứng dụng; phân tích chân dung nhà tham	3	Tuần 1-4: Chương 1 Tham vấn tâm lý là một khoa học	1/Đánh giá quá trình: Báo cáo nhóm và thảo

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vấn tâm lý, thân chủ và khái quát các vấn đề của thân chủ; nêu các hình thức, mô hình quy trình tham vấn tâm lý chủ yếu và đề cập đến một số lĩnh vực tham vấn tâm lý trong thực tiễn.		ứng dụng; Tuần 5-8: Chương 2. Chân dung nhà tham vấn tâm lý và thân chủ; Tuần 9: Thi giữa kỳ; Tuần 10-12 Một số hình thức, mô hình và quy trình tham vấn tâm lý chủ yếu; Tuần 13: Seminar; Tuần 14-16: Chương 4: Một số lĩnh vực tham vấn tâm lý trong thực tiễn.	luận nhóm; 2/Đánh giá giữa kỳ: Tự luận 3/Đánh giá cuối kỳ: Vấn đáp
31.	Tâm lý học giáo dục	1.Kiến thức sâu sắc về cơ sở của hoạt động dạy học và giáo dục, hoạt động sư phạm và cấu trúc nhân cách của người giáo viên. 2. Vận dụng kiến thức tâm lý học giáo dục để tư vấn cho việc tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, hoạt động bồi dưỡng và phát triển nhân cách người giáo viên đạt hiệu quả. 3. Xác định các phẩm chất và năng lực hoạt động cần có ở người giáo viên theo yêu cầu của xã hội và nghề nghiệp; con đường, biện pháp phát triển nhân cách người giáo viên. 4. Thái độ tích cực trong việc thực hiện các hành động tập và nhiệm vụ học tập.	3	Tuần 1-8: Chương 1. Tâm lý học dạy học (24 tiết) Tuần 9-12. Chương 2. Tâm lý học giáo dục (12 tiết) Tuần 12-15. Chương 3. Tâm lý học nhân cách người giáo viên (9 tiết)	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập và báo cáo nhóm) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Báo cáo làm việc nhóm) Thi kết thúc học phần: 50% (Tự luận)
32.	Tâm bệnh học	1. Trình bày được những kiến thức tổng quan về tâm bệnh học; cách nhận biết, nguyên nhân và hướng điều trị, đối với một số rối loạn chính. 2. Nhận diện các rối loạn tâm bệnh và mô tả được một số phương pháp tâm lý trong phòng ngừa và chăm sóc tâm bệnh 3. Có kỹ năng tư vấn cách phòng ngừa các rối nhiễu tâm lý 4. Hình thành nhóm, tương tác nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau	2	-Lý thuyết: 15 tiết - Thảo luận: 10 tiết Thực hành: 5 tiết	Báo cáo làm việc nhóm, tự luận
33.	Thực hành	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên	2	Tuần 1-6:	1/Đánh giá quá

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	tham vấn	ngành; nhằm trang bị cho người học những trải nghiệm và kỹ năng vận dụng tham vấn tâm lý vào thực tiễn tình huống như: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thấu cảm...., giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức thực hành tham vấn tâm lý vào trong các lĩnh vực thực tiễn như: tham vấn học đường, tham vấn hôn nhân và gia đình, tham vấn sức khỏe tâm thần.		Chương 1. Thực hành kỹ năng của nhà tham vấn; Tuần 7-10: Thực hành quy trình tham vấn và các loại hình tham vấn; Tuần 11-15 Thực hành case tham vấn	trình: Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm 2/Giữa kỳ: Thực hành phân tích case 3/Cuối kỳ: Thực hành case tham vấn
34.	Tâm lý học xã hội	1. Vận dụng các kiến thức về tâm lý học xã hội để giải thích các hiện tượng tâm lý nhóm và cá nhân trong nhóm 2. Nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội của các nhóm xã hội khác nhau 3. Đánh giá nhu cầu hỗ trợ tâm lý của các nhóm xã hội khác nhau 4. Duy trì và phát triển các mối quan hệ trong làm việc nhóm 5. Tự học, tự điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi của môi trường tâm lý xã hội hiện đại	4	Tuần 1: Chương 1. Tâm lý học xã hội là một khoa học Tuần 2-6: Chương 2. Một số hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản và các quy luật hình thành chúng Tuần 7-9: Chương 3. Giao tiếp xã hội Tuần 10-14: Chương 4. Tâm lý học về nhóm Tuần 15: Chương 5. Hành vi gây hấn	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tiểu luận)
35.	Thực hành tâm bệnh học	1. Lựa chọn và sử dụng các công cụ chẩn đoán rối loạn tâm bệnh 2. Tổ chức được các hoạt động chẩn đoán các rối loạn tâm bệnh 3. Xây dựng được chương trình và kế hoạch hỗ trợ tâm lý cho các thân chủ đã tiếp cận 4. Vận dụng kiến thức và kỹ năng về tâm lý học vào các mục tiêu nghề nghiệp 5. Hành vi và ứng xử phù hợp với đạo đức nghề tâm lý 6. Hình thành nhóm, tương tác nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau	2	30 tiết/15 tuần Lý thuyết: 15 tiết; thảo luận: 10 tiết; Thực hành: 5 tiết Tự học: 90 tiết	Thuyết trình/báo cáo ca
36.	Nhập môn tâm lý trị liệu	Học phần giới thiệu tổng quan về ngành khoa học tâm lý ứng dụng trong lĩnh vực trị liệu, bao gồm các nội dung sau: đối tượng,	2	Chương 1: Các vấn đề chung về tâm lý trị liệu (4 tiết)	kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhiệm vụ, lịch sử hình thành của tâm lý trị liệu, mối quan hệ hỗ trợ trong trị liệu, tiến trình trị liệu, các hướng tiếp cận chính trong trị liệu và một số liệu pháp, kỹ thuật trong trị liệu. Đây là nội dung làm nền tảng để giúp sinh viên có thể có những định hướng sâu hơn về ngành nghề trong tương lai		Chương 2: Mối quan hệ hỗ trợ, thân chủ và nhà trị liệu (6 tiết) Chương 3: Các trường phái trị liệu tâm lý (18 tiết) Chương 4: Các trường phái triết chung (2 tiết)	thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)
37.	Tâm lý học quản lý	Sau khi học xong học phần này, người học có: - Kiến thức cơ bản về tâm lý học quản lý như đặc trưng tâm lý con người từ góc độ quản lý, giao tiếp, nhóm và các mối quan hệ liên nhân cách trong quản lý; các đặc trưng tâm lý - xã hội của nhóm, tập thể và nhân cách người cán bộ quản lý. - Phác họa được chân dung tâm lý người cán bộ quản lý và bức tranh tâm lý của hoạt động quản lý. - Vận dụng kiến thức tâm lý học quản lý vào nghiên cứu, đánh giá và hỗ trợ tâm lý cho vấn đề quản lý, người quản lý tạo nên hiệu quả quản lý.	3	phần mở đầu: giới thiệu đề cương học phần Chương 1: Khái quát về Tâm lý học quản lý (6 tiết) Chương 2: Một số đặc trưng tâm lý con người nhìn từ góc độ quản lý (6 tiết) Chương 3: Giao tiếp, nhóm và các mối quan hệ liên nhân cách (9 tiết) Kiểm tra giữa kỳ đặc trưng tâm lý - xã hội của nhóm, tập thể (12 tiết) Chương 5: Nhân cách người cán bộ quản lý (12 tiết)	kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập cá nhân và nhóm) kiểm tra kết thúc học phần: 50% (tiểu luận)
38.	Tâm lý học gia đình	Là một chuyên ngành tâm lý học ứng dụng của khoa học tâm lý. Tâm lý học gia đình giúp cho sinh viên có được hệ thống tri thức khoa học về tâm lý học gia đình là một phân môn khoa học của tâm lý học; bản chất, chức năng của gia đình, mô hình văn hóa gia đình Việt Nam, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, các hiện tượng tâm lý gia đình và sự phát triển tâm lý của các thành viên trong gia đình, vòng đời gia đình; các phương pháp chẩn đoán và can thiệp gia đình. Hệ thống tri thức khoa học cơ bản này là công cụ quan trọng để sinh viên ngành cử nhân tâm lý vận dụng trong nghiên cứu, chẩn đoán/đánh giá và hỗ trợ từ góc nhìn mỗi con	3	Tuần 1-2 Chương 1. Tâm lý học gia đình là phân môn Khoa học của Tâm lý học. Tuần 3-4: Các phương thức tác động của gia đình đối với sự phát triển tâm lý của các thành viên Tuần 5-8: Chương 3. Vòng đời gia đình; Tuần 9-12: Chương	1/Đánh giá quá trình: Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm 2/Giữa kỳ: Tiểu luận ngắn 3/Cuối kỳ: Báo cáo tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		người là thành viên nào đó trong gia đình, chịu sự ảnh hưởng của gia đình và dung tâm lý gia đình như là công cụ hỗ trợ cho bản thân và cho người khác về các vấn đề gia đình.		4. Các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ gia đình; Tuần 12-15: Chương 5. Chẩn đoán, đánh giá và can thiệp gia đình	
39.	Tâm lý học trẻ chậm phát triển trí tuệ	Học phân trình bày khái quát về: Những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em chậm phát triển trí tuệ, phương pháp nghiên cứu sự phát triển trí tuệ của trẻ em, đặc điểm nhận thức ở trẻ chậm phát triển trí tuệ, đặc điểm nhân cách của trẻ chậm phát triển trí tuệ, tình hình giáo dục trẻ em chậm phát triển trí tuệ trên thế giới và trong nước.	2	30 tiết/15 tuần	Báo cáo tiểu luận
40.	Tâm lý học pháp lý	1. Vận dụng các kiến thức về tâm lý học để giải thích các hiện tượng tâm lý liên quan đến hành vi phạm tội và hoạt động tư pháp 2. Phát hiện các vấn đề nghiên cứu về sự phát triển tâm lý tội phạm và tâm lý cá nhân liên quan đến hoạt động tư pháp 3. Duy trì và phát triển các mối quan hệ trong làm việc nhóm	2	Tuần 1: Chương 1. Những vấn đề chung của tâm lý học pháp lý Tuần 2-3: Chương 2. Một số vấn đề tâm lý học tội phạm Tuần 4-7: Chương 3. Đặc điểm tâm lý của hoạt động điều tra Tuần 8-11: Chương 4. Đặc điểm tâm lý của hoạt động xét xử Tuần 12-15: Chương 5. Đặc điểm tâm lý của hoạt động thi hành án	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tiểu luận)
41.	Thực tập tốt nghiệp	1. Người học có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng về tâm lý học vào các mục tiêu nghề nghiệp 2. Người học có ý thức tự điều chỉnh bản thân để học tập và làm việc hiệu quả	6	thực hành, thực tập: 90 tiết; tự học: 270 tiết	thực hành/chăm sóc báo cáo thực tập

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
42.	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	Môn học gồm 10 bài học nhằm cung cấp các kiến thức về quyền và sức khỏe tình dục bao gồm các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, tình dục, sự mang thai, các nguy cơ lây nhiễm qua đường tình dục, biết bảo vệ bản thân tránh được sự xâm hại, quấy rối tình dục, hiểu rõ về giới và các quyền có liên quan đến giới, đặc biệt thể hiện qua các hành vi tình dục và cuối cùng nhằm hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết định của bản thân khi đối diện trước những tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên.	2	Bài 1. Khởi hành (3 tiết) Bài 2. Tâm sinh lý lứa tuổi sinh viên (3 tiết) Bài 3. Giới và việc đấu tranh cho các quyền về giới (3 tiết) Bài 4. Tình bạn, tình yêu và các quan hệ khác (3 tiết) Bài 5. Tình dục (3 tiết) Bài 6. Mang thai (3 tiết) Bài 7. Bảo vệ bản thân bạn (3 tiết) Bài 8. Tình yêu không làm đau (3 tiết) Bài 9. Ước mơ và lập kế hoạch cho tương lai (3 tiết) Bài 10. Tổng kết và chia sẻ (3 tiết)	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Nhật ký môn học) Thi kết thúc học phần: 50% (Trắc nghiệm)
43.	Xã hội học đại cương	Sau khi học xong học phần này, người học có được: 1. Kiến thức chung về Xã hội học: đối tượng,	2	Tuần 1-2: Chương 1. Những vấn đề chung của Xã hội	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển; mối quan hệ giữa Xã hội học và Tâm lý học</p> <p>2. Vận dụng các phạm trù cơ bản của Xã hội học vào việc lý giải các hiện tượng tâm lý.</p> <p>3. Kiến thức về một số lĩnh vực Xã hội học chuyên ngành</p> <p>4. Thái độ tích cực trong việc xây dựng đời sống cá nhân, cộng đồng và xã hội.</p>		<p>học (4 tiết)</p> <p>Tuần 3-9: Các Phạm trù cơ bản của Xã hội học (17 tiết)</p> <p>Tuần 10-15: Một số lĩnh vực xã hội học chuyên ngành (10)</p>	<p>cần và thái độ học tập</p> <p>kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập cá nhân và nhóm)</p> <p>kiểm tra kết thúc học phần: 50% (tiểu luận)</p>
44.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	<p>1. Áp dụng kiến thức về Văn hóa học để nhận dạng các yếu tố nền tảng hình thành nền văn hóa Việt Nam.</p> <p>2. Khái quát hóa và phân biệt các giai đoạn lịch sử văn hóa Việt Nam: từ thời tiền sử đến hiện nay.</p> <p>3. Vận dụng các kiến thức về thành tố văn hóa để xác định các nhóm tiêu thành tố, đặc trưng của từng tiêu thành tố văn hóa Việt Nam.</p> <p>4. Phân tích, nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa địa phương, văn hóa tộc người.</p>	2	Lý thuyết: 20 tiết; thảo luận: 10 tiết	thảo luận/tự luận
45.	Tâm lý học giới tính	<p>1. Cung cấp tri thức cơ bản, chung nhất về tâm lý học giới tính. Đó là những hiểu biết tâm lý của người nam và nữ, sự khác biệt cơ bản trong tâm lý của nam và nữ.</p> <p>2. Hình thành cho SV một số kỹ năng cơ bản phát hiện những biểu hiện tâm lý, hành động của con người thuộc giới tính nam, nữ; những vấn đề phát sinh từ sự quan hệ của những người khác giới tính; bước đầu có những phương pháp tiếp cận và điều tra những vấn đề tâm lý của giới.</p> <p>3. Xây dựng cho sinh viên cách nhìn nhận, đánh giá và có thái độ cư xử phù hợp trong cuộc sống và có những quyết định đúng đắn trong tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình</p>	3	45 tiết/15 tuần	Thảo luận/báo cáo nhóm/tự luận
46.	Tâm lý học sáng tạo	Tâm lý học sáng tạo trình bày một cách có hệ thống những kiến thức tâm lý cơ bản, hiện đại về những nội dung khái quát của tâm lý học sáng tạo, bản chất của sự sáng tạo trong tâm lý học, các vấn đề tâm lý trong sáng tạo, nhân cách sáng tạo và sự phát triển năng lực sáng tạo. Hệ thống kiến thức của học phần này là điều kiện để sinh viên thực hiện	2	<p>Lý thuyết: 20 tiết;</p> <p>Thực hành: 10 tiết</p> <p>Tự học: 60 tiết</p>	Tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu và thực hành sáng tạo ở nhiều lĩnh vực khác trong hoạt động nghề nghiệp sau này.			
47.	Tâm lý học trí tuệ	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về trí tuệ như một số hướng tiếp cận trí tuệ trong tâm lý học, cấu trúc của trí tuệ, sự hình thành và phát triển trí tuệ, các yếu tố tác động tới sự phát triển trí tuệ cá nhân, phương pháp nghiên cứu trí tuệ trong tâm lý học. Trên cơ sở đó, Tâm lý học trí tuệ làm nền tảng giúp người học tìm hiểu sâu hơn về các phương pháp tác động nhằm	2	30 tiết/ 15 tuần	Tiểu luận
48.	Lý luận giáo dục	1. Người học có kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của lý luận giáo dục; nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục; các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông. 2. Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức của lý luận giáo dục để phát triển bản thân, thiết kế hoạt động giáo dục trong nghề nghiệp. 3. Người học có ý thức vận dụng lý luận giáo dục trong việc phát triển bản thân và hoạt động nghề nghiệp sau này.	2	Lý thuyết: 12 tiết; Thảo luận: 18 tiết; Tự học: 60 tiết	bài tập nhóm/tự luận
49.	Tâm lý học kinh tế	Sau khi học xong môn học, người học có: 1. Kiến thức tổng quan về tâm lý học kinh tế. 2. Kiến thức về tư duy ứng dụng các kết quả nghiên cứu tâm lý học vào hoạt động kinh tế vĩ mô và vi mô. 3. Kỹ năng nghiên cứu tâm lý học kinh tế 4. Thái độ tích cực, chủ động và trách nhiệm trong học tập.	2	Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết; Tự học: 60 tiết	bài tập nhóm/tự luận
50.	New values in Psychology	1. Trang bị kiến thức cơ bản về xu hướng mới của tâm lý học: sự phát triển của các lý thuyết cơ bản, hướng nghiên cứu và ứng dụng cơ bản trong các lĩnh vực mới. 2. Hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin, phân tích và hệ thống hóa trong lĩnh vực tâm lý học. 3. Hình thành một thái độ khoa học trong	2	Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết; Tự học: 60 tiết	bài tập nhóm/tự luận

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc đánh giá và lựa chọn quan điểm và hướng nghiên cứu trong nghiên cứu tâm lý học.			
51.	Lý luận dạy học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người học có các kiến thức cơ bản về lý luận dạy học 2. Người học có năng lực thiết kế kế hoạch dạy học 3. Người học có năng lực đánh giá các hoạt động dạy học tại nhà trường cho học sinh 4. Người học có năng lực tư vấn trong các hoạt động dạy học tại nhà trường cho học sinh 5. Người học tích cực, chủ động phát triển hoàn thiện bản thân và tích cực trong việc thiết kế, năng lực đánh giá và tư vấn các hoạt động dạy học cho học sinh tại nhà trường. 	2	Lý thuyết: 10 tiết; Thảo luận: 10 tiết; Thực hành: 10 tiết Tự học: 60 tiết	bài tập nhóm/tự luận
52.	Quản lý nhân sự	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người học có kiến thức cơ bản về công tác quản lý nhân sự 2. Người học có kỹ năng phân tích đánh giá công việc cũng như công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân sự 3. Người học có kỹ năng trong quan hệ nhân sự 4. Người học có thái độ khách quan, khoa học đối với công tác nhân sự trong các tổ chức, chủ động áp dụng các lý thuyết khoa học (tâm lý học và quản lý) vào công tác hàng ngày của nhân viên nhân sự; hình thành tính sẵn sàng đảm nhận vai trò lãnh đạo và quản lý trong nhóm và tập thể. 	3	Lý thuyết: 40 tiết; Thảo luận: 5 tiết; Thực hành: 0 tiết Tự học: 90 tiết	Bài tập nhóm/thuyết trình/tự luận
53.	Tâm lý học dân tộc	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày được khái niệm tâm lý dân tộc, đối tượng nghiên cứu của TLH dân tộc, lịch sử hình thành và phát triển TLH dân tộc. 2. Phân tích được các hiện tượng tâm lý dân tộc: tri giác, tính cách, định kiến và tiếp biến văn hóa dân tộc và vận dụng vào giải thích các hiện tượng tâm lý dân tộc trong thực tế. 3. Duy trì và phát triển các mối quan hệ trong làm việc nhóm, nhất là nhóm có người đến từ các dân tộc khác nhau 	2	Tuần 1-2: Chương 1. Những vấn đề chung của TLH dân tộc Tuần 3-5: Chương 2. Tri giác dân tộc Tuần 6-8: Chương 3. Tính cách dân tộc Tuần 9-11: Chương 4. Định kiến dân tộc Tuần 12-15: Chương 5. Tiếp biến văn hóa dân tộc	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tiểu luận)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54.	Tâm lý học du lịch	<ol style="list-style-type: none"> Kiến thức cơ bản về tâm lý học du lịch Khả năng vận dụng được các kiến thức của học phần để giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề tâm lý trong hoạt động du lịch Thái độ đúng đắn đối với các vấn đề tâm lý trong hoạt động du lịch. 	2	<p>Tuần 1: Chương 1. Những vấn đề chung của tâm lý học du lịch (2 tiết)</p> <p>Tuần 2-6: Chương 2. Tâm lý khách du lịch (12 tiết)</p> <p>Tuần 7-8: Chương 3. Tâm lý nhà cung ứng du lịch (4 tiết)</p> <p>Tuần 9: Kiểm tra giữa kì (2 tiết)</p> <p>Tuần 10-11: Chương 4. Môi trường du lịch (4 tiết)</p> <p>Tuần 12-13: Chương 5. Một số hiện tượng và quy luật tâm lý trong du lịch (4 tiết)</p> <p>Tuần 14-15: Giao tiếp trong kinh doanh du lịch (4 tiết)</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập và báo cáo nhóm)</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Báo cáo làm việc nhóm)</p> <p>Thi kết thúc học phần: 50% (Tiểu luận)</p>
55.	Khóa luận tốt nghiệp	<ol style="list-style-type: none"> Người học vận dụng kiến thức về phương pháp nghiên cứu TLH vào quá trình nghiên cứu thực tiễn. Người học vận dụng kiến thức của Tâm lý học đại cương, TLH phát triển, các học phần TLH chuyên ngành để phân tích, giải thích kết quả nghiên cứu Người học trình bày nội dung nghiên cứu đúng hình thức quy định của khóa luận tốt nghiệp. Người học lập luận, giải thích kết quả nghiên cứu logic, khoa học Người học tuân thủ đạo đức, trách nhiệm trong quá trình nghiên cứu Người học có kỹ năng trình bày, khái quát hoá kiến thức 	7	<p>- Thực hành/Thí nghiệm: 105 tiết;</p> <p>- Tự học: 210 tiết</p>	Đánh giá báo cáo khóa luận

2. Chương trình Cử nhân TLH Chất lượng cao

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Tin học đại cương (Tin học CN1)	1. Học phần cung cấp kiến thức về công nghệ thông tin, internet và an toàn và bảo mật thông tin, giúp sinh viên làm chủ được môi trường internet, sử dụng được các dịch vụ. 2. Học phần trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong tin học văn phòng ở mức độ nâng cao.	2	30 tiết/15 tuần	Kiểm tra giữa kỳ: thực hành trên máy: 40% -Kiểm tra cuối kỳ: thực hành trên máy: 60%
2.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	1. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung của các học phần tiếp theo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có hiểu biết đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng. 2. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. 3. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo.	2	30 tiết/15 tuần	- Chuyên cần + Bài tập cá nhân: 20% - Bài thi giữa kỳ: 20% - Bài thi cuối kỳ: 60%
3.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	1.Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung của các học phần tiếp theo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có hiểu biết đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng. 2. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. 3. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo.	3	45 tiết/15 tuần	Đánh giá: Chuyên cần + Bài tập cá nhân: 20% - Bài thi giữa kỳ: 20% - Bài thi cuối kỳ: 60%
4.	Đường lối cách mạng ĐCS Việt Nam	1. Sinh viên hiểu rõ quy luật ra đời của Đảng, nhận thức đúng về vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 2. Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. 3. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Sinh	3	45 tiết/15 tuần	Đánh giá: Điểm chuyên cần + Bài tập cá nhân: 20% - Bài thi giữa kỳ: 20% - Bài thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		viên nắm vững Đường lối của Đảng, từ đó vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. 4. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.			
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1. Sinh viên nắm được bối cảnh lịch sử - xã hội, các nhân tố góp phần hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; 2. Sinh viên nắm được những nội dung lý luận cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh; 3. Nhận thức đúng đắn về sự sáng tạo, về những cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam; 4. Nhận thức đúng đắn sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay; 5. Xây dựng lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự phát triển đất nước, biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện đạo đức, tác phong công tác của bản thân và dũng cảm đấu tranh chống những quan điểm và hiện tượng sai trái, tiêu cực trong xã hội;	2	30 tiết/15 tuần	Chuyên cần + Bài tập cá nhân: 20% - Bài thi giữa kỳ: 20% - Bài thi cuối kỳ: 60%
6.	Pháp luật đại cương	1. Cung cấp những kiến thức chung về nhà nước, giúp sinh viên hiểu được các nguyên tắc tổ chức, hoạt động cũng như cấu trúc của Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. 2. Cung cấp những kiến thức chung về pháp luật, giúp người học hiểu được các khái niệm Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật. 3. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số ngành luật cụ thể, giúp sinh viên phân biệt được sự khác nhau giữa quan hệ pháp luật dân sự, quan hệ pháp luật hình sự và quan hệ pháp luật hành chính trong thực tế đời sống. 4. Giúp sinh viên hiểu biết về hậu quả của tham nhũng và những biện pháp phòng, chống tham nhũng. 5. Trang bị kỹ năng phân tích, lập luận chặt chẽ, logic	2	30 tiết/15 tuần	Đánh giá: Điểm chuyên cần + Bài tập cá nhân: 20% - Bài thi giữa kỳ: 20% - Bài thi cuối kỳ: 60%
7.	Lịch sử tâm lý học	1. Người học có kiến thức cơ bản về lịch sử tâm lý học, sự nảy sinh tư tưởng tâm lý qua	3	25 tiết lý thuyết 20 tiết thực	kiểm tra thường xuyên: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>các thời kỳ, các trường phái tâm lý học khách quan, sự ra đời của tâm lý học với tư cách là khoa học độc lập, tâm lý học hoạt động</p> <p>2. Người học đánh giá được thành tựu của các trường phái tâm lý và đề xuất được hướng ứng dụng các lý thuyết này vào công tác giáo dục và quản lý con người, tham vấn và trị liệu.</p>		hành/thảo luận 90 tiết tự học	(chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi vấn đáp)
8.	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	<p>MT1: - Nắm được đặc điểm cấu tạo của hệ thần kinh trung ương</p> <p>MT2: - Hiểu được nội dung cơ bản về hoạt động phản xạ của não bộ,</p> <p>MT3: - Hiểu được những bản chất của giấc ngủ, các biến đổi của cơ thể tkhi ngủ</p> <p>MT4: - Nắm được nội dung cơ bản của các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao</p> <p>MT5: - Hiểu và nắm được đặc điểm và quá trình hình thành các hệ thống tín hiệu trong quá trình phát triển cá thể</p> <p>MT6: Hiểu và nắm được các đặc điểm cơ bản trong hoạt động thần kinh</p> <p>MT7: -Hiểu được hiện tượng cảm xúc</p> <p>MT8: - Nắm được khái niệm về trí nhớ</p> <p>MT9: - Nắm vững được khái niệm về hệ</p> <p>MT10: - Nắm vững được các quá trình hoạt động tư duy diễn ra trong não bộ</p>	4	60 tiết/15 tuần	- Kiểm tra định kỳ (bài tập thực hành theo nhóm: 40% - Thi hết môn (vấn đáp): 60%
9.	Logic học	<p>1. Trình bày được đối tượng và phương pháp nghiên cứu của logic học, phân biệt được đối tượng nghiên cứu của logic học với các ngành khoa học khác.</p> <p>2. Trình bày được mối quan hệ giữa logic học với các ngành khoa học khác, vai trò của logic học đối với sự phát triển tư duy logic của nhân loại và trong đời sống thực tiễn xã hội.</p> <p>3. Trình bày được các quy luật cơ bản trong quá trình nhận thức của tư duy. Giải quyết được những bài toán logic để tìm ra trị số logic từ việc công thức hóa các suy luận và phán đoán logic.</p> <p>4. Trình bày được ví trí, vai trò và bản chất những hình thức cơ bản của tư duy trong quá trình nhận thức. Phân biệt được các hình thức cơ bản của phán đoán và suy luận logic, sử dụng được các phép toán logic, tìm được trị số logic trong các hình thức vận động của tư</p>	2	30 tiết/15 tuần	Đánh giá: Điểm chuyên cần + Bài tập cá nhân: 20% - Bài thi giữa kỳ: 20% - Bài thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>duy</p> <p>5. Trình bày được mối quan hệ giữa khái niệm, phán đoán, suy luận và vai trò của những hình thức trên đối với quá trình tư duy logic.</p> <p>6. Xây dựng được những phán đoán logic từ những mệnh đề cho trước.</p> <p>7. Phát hiện được những lỗi logic trong các phán đoán và suy luận logic.</p> <p>8. Dựa vào những quy luật của tư duy logic có thể thiết kế được những mô hình tư duy để áp dụng vào thực tế cuộc sống.</p> <p>9. Công thức hóa được những hiện tượng trong cuộc sống, xác định trị số của từng phán đoán để có hành động phù hợp</p> <p>10. Hình thành thói quen tư duy logic trong nhận thức</p> <p>11. Có thái độ khách quan, khoa học trong đánh giá các sự vật, hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy</p>			
10	Tâm lý học đại cương 1	<p>- Người học có kiến thức khái quát về khoa học tâm lý, về những phạm trù cơ bản của tâm lý học</p> <p>- Hình thành quan niệm đúng đắn về bản chất tâm lý, ý thức người, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các nội dung của tâm lý học chuyên ngành</p> <p>- Vận dụng giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến bản chất tâm lý người, cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý người, vấn đề tâm lý-ý thức và nhân cách con người.</p>	2	<p>Giới thiệu đề cương học phần (1 tiết)</p> <p>Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, các phân ngành của Tâm lý học (5 tiết)</p> <p>Chương 2: Tâm lý học và các khoa học về con người (4 tiết)</p> <p>Chương 3: Các phương pháp nghiên cứu của TLH (4 tiết)</p> <p>Chương 4: Sự phát triển tâm lý người và động vật (4 tiết)</p> <p>Chương 5: Bản chất tâm lý người (6 tiết)</p> <p>Chương 6: Ý thức - nhân cách (6 tiết)</p>	<p>kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập)</p> <p>Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân</p> <p>Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)</p>
11	Tâm lý học đại cương 2	<p>Học phần <i>Tâm lý học đại cương 2</i> nằm trong hệ thống tri thức cơ bản dành cho hệ đào tạo cử nhân tâm lý học, bao gồm 6 chương bàn về các vấn đề: Hoạt động và các quá trình nhận thức của con người như: nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính, chú ý, trí nhớ và ngôn ngữ. Các phần được trình bày mang tính hệ</p>	4	<p>Tuần 1. Chương 1. Khái quát các mặt tâm lý của nhân cách;</p> <p>Tuần 2-6 Chương 2. Các quá trình nhận thức của con người;</p>	<p>1/ Đánh giá quá trình: Tính chuyên cần</p> <p>2/ Bài tập giữa kỳ: Bài tập thực hành theo nhóm</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thống và có logic chặt chẽ bao hàm từ khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò, các quy luật và ý nghĩa vận dụng trong đời sống và trong công tác của nhà tâm lý		Tuần 6-8 Chương 3. Cảm xúc và đời sống tình cảm của con người Tuần 8-9 Chương 4. Hành vi và ý chí Tuần 10 -11. Ngôn ngữ và lời nói; Tuần 12-15 Chương 5. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách	3/Cuối kỳ: vấn đáp
12	Kỹ năng học tập	Học phần Kỹ năng học tập nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến tổ chức hoạt động học tập, đặc trưng học tập ở trường đại học, những yêu cầu, nhiệm vụ học tập trong trường Đại học, chương trình đào tạo ngành Tâm lý học. Đặc biệt, hình thành cho sinh viên những kỹ năng học tập cơ bản như: tìm kiếm và khai thác thông tin, các kỹ năng học tập trên lớp và các kỹ năng tự học. Ngoài ra, còn hình thành ở sinh viên thái độ học tập tích cực, chủ động và có trách nhiệm trong học tập.	2	Tuần 1. Giới thiệu môn học, mục tiêu, chuẩn đầu ra, tài liệu, phương pháp và yêu cầu học tập. (2 tiết) Tuần 2. Chương 1. Đặc trưng học tập ở trường đại học (2 tiết) Tuần 2. Chương 2. Tổ chức các điều kiện để học tập hiệu quả (2 tiết) Tuần 3 - tuần 7. Chương 2 (tiếp theo) (10 tiết) Tuần 8. Các kỹ năng học tập cơ bản ở đại học (14 tiết)	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) nhật ký môn học Thi kết thúc học phần: 50% (tiểu luận)
13	Kỹ năng giao tiếp	Học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp như khái niệm, chức năng, vai trò, phân loại, các nguyên tắc, phương tiện giao tiếp và các kỹ năng giao tiếp trực tiếp (KN định hướng, KN tạo ấn tượng ban đầu, KN lắng nghe, KN thuyết trình, KN cho nhận thông tin, KN giải quyết mâu thuẫn, KN thuyết phục, KN quản lý cảm xúc) và kỹ năng giao tiếp gián tiếp (sử dụng điện thoại và thu tin).		10 tiết lý thuyết; 20 tiết thực hành; 60 tiết tự học	1/ Đánh giá quá trình: Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm 2/ Bài tập giữa kỳ: Thực hành 3/Cuối kỳ: thực hành
14	Tâm lý học xã hội	1. Vận dụng các kiến thức về tâm lý học xã hội để giải thích các hiện tượng tâm lý nhóm và cá nhân trong nhóm 2. Nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội của các nhóm xã hội khác nhau 3. Đánh giá nhu cầu hỗ trợ tâm lý của các	4	Tuần 1: Chương 1. Tâm lý học xã hội là một khoa học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhóm xã hội khác nhau 4. Duy trì và phát triển các mối quan hệ trong làm việc nhóm 5. Tự học, tự điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi của môi trường tâm lý xã hội hiện đại		Tuần 2-6: Chương 2. Một số hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản và các quy luật hình thành chúng Tuần 7-9: Chương 3. Giao tiếp xã hội Tuần 10-14: Chương 4. Tâm lý học về nhóm Tuần 15: Chương 5. Hành vi gây hấn	tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tiểu luận)
15	Thông kê thực hành	1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất; 2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê toán và ứng dụng trong tâm lý học; 3. Trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng phần mềm thống kê giải quyết các bài toán thống kê cơ bản.	3	Lý thuyết: 30 tiết; thực hành: 15 tiết tự học: 90 tiết	kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập); Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân ; Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)
16	Developmental Psychology 1 (Tâm lý học phát triển 1)	1. Describe the subject, task, method and research design of developmental psychology 2. Analyze perspectives and theories of personal psychological development; the nature and conditions of personal psychological development; the division of stages of development by age. 3. Analyze psychological development of children from fetal to kindergarten 4. Accurately evaluates the meaning of the subject for child psychological research, the process of child care and the counseling for parents.	3	Week No.1: Chapter 1. Introduction to developmental psychology Week No. 2-4: Chapter 2. Perspectives and theories on the development of human psychology Week No. 5-6: Chapter 3. Fetal stage and the birth of a child	- Component score 1: 20% (Diligence; Individual exercises) - Component score 2: 30% (Midterm Exam) - Final exam scores: 50% (oral test)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
				Week No. 7-8: Chapter 4. The psychological development of children from birth to 1 year Week No. 9-11: Chapter 5. Psychological development of children from 1 to 3 years old Week No. 12-15: Chapter 6. Psychological development of preschool children	
17	Developmental Psychology 2 (Tâm lý học phát triển 2)	<ul style="list-style-type: none"> - Provide knowledge about the psychological development characteristics of children, adolescents, youth, adolescents, middle-aged and elderly people. - Students have the ability to use knowledge to solve problems and situations related to psychological characteristics of ages from children to elderly people. - Form the correct attitude towards the subject and with activities related to psychological ages from children to the elderly 	4	Chapter 1: Psychological characteristics of children ages (elementary school children) (12) chapter 2: Psychological characteristics of teens (junior high school students) (12) chapter 3: Psychological characteristics of early adolescence (high school students from 14, 15 to 17, 18 years old) (10) chapter 4: Psychological characteristics of adolescence (18 to 24 years) (12) chapter 5: Psychological	<ul style="list-style-type: none"> - Component score 1: 20% (Diligence; Individual exercises) - Component score 2: 30% (Midterm Exam) - Final exam scores: 50% (written examination)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
				Characteristics of Adults, Older Persons and Elderly (14)	
18	Tâm lý học giáo dục	<p>1. Kiến thức sâu sắc về cơ sở của hoạt động dạy học và giáo dục, hoạt động sư phạm và cấu trúc nhân cách của người giáo viên.</p> <p>2. Vận dụng kiến thức tâm lý học giáo dục để tư vấn cho việc tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, hoạt động bồi dưỡng và phát triển nhân cách người giáo viên đạt hiệu quả.</p> <p>3. Xác định các phẩm chất và năng lực hoạt động cần có ở người giáo viên theo yêu cầu của xã hội và nghề nghiệp; con đường, biện pháp phát triển nhân cách người giáo viên.</p> <p>4. Thái độ tích cực trong việc thực hiện các hành động tập và nhiệm vụ học tập</p>	3	<p>Tuần 1-8: Chương 1. Tâm lý học dạy học (24 tiết)</p> <p>Tuần 9-12. Chương 2. Tâm lý học giáo dục (12 tiết)</p> <p>Tuần 12-15. Chương 3. Tâm lý học nhân cách người giáo viên (9 tiết)</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập và báo cáo nhóm)</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Báo cáo làm việc nhóm)</p> <p>Thi kết thúc học phần: 50% (Tự luận)</p>
19	Thực hành tâm lý học 1	<p>1. Người học nhận diện được các hiện tượng tâm lý người</p> <p>2. Người học có thể giải thích các hiện tượng tâm lý con người.</p> <p>3. Người học có thể phân tích được nét tâm lý cá nhân và đưa ra định hướng phát triển nhân cách cho cá nhân đó.</p> <p>4. Người học có thể nghiên cứu, thực nghiệm hoạt động nhận thức trên các đối tượng khác nhau</p>	2	<p>Tuần 1: Bài 1. Đối tượng của tâm lý học (2 tiết)</p> <p>Tuần 1: Bài 2. Bản chất hiện tượng người (2 tiết)</p> <p>Tuần 2: Bài 3. Tâm lý-ý thức (4 tiết)</p> <p>Tuần 3: Bài 4. Chú ý (4 tiết)</p> <p>Tuần 4: Bài 5. Hoạt động (4 tiết)</p> <p>Tuần 5: Bài 6. Nhân cách (4 tiết)</p> <p>Tuần 6: Bài 7. Bài tập lớn (4 tiết)</p> <p>Tuần 7: Bài 8. Bài tập lớn (4 tiết)</p> <p>Tuần 8: Bài thi giữa kỳ (4 tiết)</p> <p>Tuần 9: Bài 9.</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập và báo cáo nhóm)</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Bài tập thực hành cá nhân)</p> <p>Thi kết thúc học phần: 50% (Bài tập thực hành cá nhân)</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
				Cảm giác – Tri giác (4 tiết) Tuần 10: Bài 10. Trí nhớ + Ngôn ngữ (4 tiết) Tuần 11: Bài 11. Tư duy (4 tiết) Tuần 12: Bài 12. Tương tượng (4 tiết) Tuần 13: Bài 13. Tình cảm-y chí (4 tiết) Tuần 14: Bài tập thực hành lớn (4 tiết) Tuần 15: Bài tập thực hành lớn (4 tiết) Bài thi cuối kỳ (4 tiết)	
20	Tâm lý học gia đình	Là một chuyên ngành tâm lý học ứng dụng của khoa học tâm lý. Tâm lý học gia đình giúp cho sinh viên có được hệ thống tri thức khoa học về tâm lý học gia đình là một phân môn khoa học của tâm lý học; bản chất, chức năng của gia đình, mô hình văn hóa gia đình Việt Nam, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, các hiện tượng tâm lý gia đình và sự phát triển tâm lý của các thành viên trong gia đình, vòng đời gia đình; các phương pháp chẩn đoán và can thiệp gia đình. Hệ thống tri thức khoa học cơ bản này là công cụ quan trọng để sinh viên ngành cử nhân tâm lý vận dụng trong nghiên cứu, chẩn đoán/đánh giá và hỗ trợ từ góc nhìn mỗi con người là thành viên nào đó trong gia đình, chịu sự ảnh hưởng của gia đình và dung tâm lý gia đình như là công cụ hỗ trợ cho bản thân và cho người khác về các vấn đề gia đình.	3	Tuần 1-2 Chương 1. Tâm lý học gia đình là phân môn Khoa học của Tâm lý học. Tuần 3-4: Các phương thức tác động của gia đình đối với sự phát triển tâm lý của các thành viên Tuần 5-8: Chương 3. Vòng đời gia đình; Tuần 9-12: Chương 4. Các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ gia đình; Tuần 12-15: Chương 5. Chẩn đoán, đánh giá và can thiệp gia đình	1/Đánh giá quá trình: Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm 2/Giữa kỳ: Tiểu luận ngắn 3/Cuối kỳ: Báo cáo tiểu luận
21	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	Học phần <i>Phương pháp nghiên cứu tâm lý học</i> trình bày các quan niệm cơ bản, các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu tâm lý người, các giai đoạn	4	Ch-ương 1. Những vấn đề chung của phương pháp nghiên cứu tâm lý	1/Đánh giá quá trình: Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu một đề tài tâm lý học, chỉ ra các phương pháp cụ thể nghiên cứu tâm lý người. Hướng dẫn sử dụng các phương pháp nghiên cứu, kỹ năng xử lý các số liệu nghiên cứu, phân tích các số liệu nghiên cứu, rút ra những nhận xét và kết luận khoa học cũng như các ý kiến đề xuất từ kết quả nghiên cứu, hướng dẫn thực hiện một đề tài nghiên cứu tâm lý học.		học Ch-ương 2. Ph-ương pháp nghiên cứu tâm lý học Chur-ong 3. Logic tiến trình nghiên cứu một đề tài Khoa học tâm lý học	2/Giữa kỳ: Tiểu luận 3/Cuối kỳ: Báo cáo tiểu luận
22.	Thực hành phương pháp nghiên cứu tâm lý học	1. Thực hành thiết kế, lựa chọn các phương pháp nghiên cứu tâm lý để giải quyết một vấn đề trong thực tiễn; 2. Thực hành vận dụng các phương pháp nghiên cứu tâm lý vào thực tiễn nghiên cứu một vấn đề 3. Hình thành thái độ tích cực và chủ động trong hoạt động thực hành các phương pháp nghiên cứu tâm lý.	2	Các chương: 1.Thực hành xây dựng cơ sở lý luận và lựa chọn khách thể (5t thực hành); 2. Thực hành phương pháp nghiên cứu thực tiễn (15t thực hành); 3. Thực hành phương pháp xử lý, phân tích thống kê thông tin nghiên cứu (10t thực hành)	Đánh giá +Chuyên cần/Bài tập cá nhân: 10% + Bài thi giữa kỳ: 30%; + Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung. Hình thức thi: Bài thực hành : 60%
23.	Kỹ năng tổ chức hoạt động đội nhóm	Sau khi học xong môn học, người học có: 1. Kiến thức cơ bản về đội, nhóm; các nguyên tắc hoạt động của đội, nhóm; phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động nhóm; thiết kế và tổ chức hoạt động. 2. Vận dụng kiến thức vào việc thiết kế và tổ chức các hoạt động đội, nhóm. 3. Hình thành các kỹ năng tổ chức các hoạt động đội, nhóm 4. Thái độ tích cực, chủ động và trách nhiệm trong học tập.	2	30 tiết/15 tuần	Báo cáo làm việc nhóm, tự luận
24.	Phương pháp giáo dục kỹ năng sống	-MT1: Có các kiến thức cơ bản về giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống - MT2: Có năng lực thiết kế và xây dựng kế hoạch giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho người học - MT3: Có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho người học - MT4: Có năng lực phối hợp với các lực lượng giáo dục khác nhau trong giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống - MT5: Tích cực, chủ động phát triển hoàn	4	1.Từ tuần 1 đến tuần 5: Chương 1: Những vấn đề chung về giá trị sống và kỹ năng sống 2. Tuần 6 đến tuần 10: Chương 2: Quá trình giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống 3. Tuần 11 đến tuần 15: Thiết kế kế	Đánh giá: - Báo cáo nhóm - Báo cáo cá nhân - Tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thiện bản thân và tích cực trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho người học		hoạch tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho các nhóm đối tượng	
25	Thực tế tâm lý học	Thực tế Tâm lý học là học phần gồm 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên chuyên ngành Tâm lý học. Học phần giúp cho sinh viên tìm hiểu thực tế hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, tham vấn tâm lý và giáo dục,... tại các cơ sở giáo dục, các cơ sở cung cấp các dịch vụ tâm lý – giáo dục thông qua quan sát, nghiên cứu văn bản và nghe báo cáo về các hoạt động có liên quan đến ngành nghề trong tương lai: nghiên cứu, giảng dạy, quản lý, tham vấn tâm lý,... Từ đó, sinh viên hiểu rõ về ngành nghề của lĩnh vực khoa học tâm lý để có thái độ tích cực và hướng tới nghề nghiệp phù hợp, góp phần hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp.	2	Với khối lượng thực tế là 02 tín chỉ được qui đổi thành 60 tiết thực tế tại cơ sở. Các hoạt động thực tế sẽ bao gồm 2 phần: Phần làm việc trên lớp. Phần làm việc tại cơ sở	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập và báo cáo nhóm) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Hoạt động trong chuyến đi) Thi kết thúc học phần: 50% (Bài tập thu hoạch)
26	Nhập môn tâm lý trị liệu	Học phần giới thiệu tổng quan về ngành khoa học tâm lý ứng dụng trong lĩnh vực trị liệu, bao gồm các nội dung sau: đối tượng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành của tâm lý trị liệu, mối quan hệ hỗ trợ trong trị liệu, tiến trình trị liệu, các hướng tiếp cận chính trong trị liệu và một số liệu pháp, kỹ thuật trong trị liệu. Đây là nội dung làm nền tảng để giúp sinh viên có thể có những định hướng sâu hơn về ngành nghề trong tương lai	2	Chương 1: Các vấn đề chung về tâm lý trị liệu (4 tiết) Chương 2: Mối quan hệ hỗ trợ, thân chủ và nhà trị liệu (6 tiết) Chương 3: Các trường phái trị liệu tâm lý (18 tiết) Chương 4: Các trường phái triết chung (2 tiết)	kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)
27	Tâm lý học chẩn đoán	Học phần <i>Tâm lý học chẩn đoán</i> nằm trong hệ thống tri thức cơ bản dành cho hệ đào tạo cử nhân tâm lý học nhằm trang bị cho người học những quan điểm về lý luận và thực hành về chẩn đoán tâm lý người. Giới thiệu các trắc nghiệm cơ bản để chẩn đoán tâm lý người. Vận dụng các trắc nghiệm đã được thích nghi của thế giới vào Việt Nam. Học phần gồm có 5 chương với các nội dung chính như: Những vấn đề chung của tâm lý học chẩn đoán; Các phương pháp chẩn đoán	3	Chương 1. Những vấn đề chung của tâm lý học chẩn đoán Chương 2. Các phương pháp chẩn đoán trí tuệ Chương 3. Các phương pháp chẩn đoán nhân cách Chương 4. Trắc	1/Đánh giá quá trình: Báo cáo nhóm và thảo luận nhóm; 2/Đánh giá giữa kỳ: Tiểu luận 3/Đánh giá cuối kỳ: Tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trí tuệ; Các phương pháp chẩn đoán nhân cách; Trắc nghiệm giáo dục; Chẩn đoán tâm lý trẻ khuyết tật.		nhịệm giáo dục Chương 5. Chẩn đoán tâm lý trẻ khuyết tật	
28	Thực hành chẩn đoán tâm lý	Học phần <i>Thực hành chẩn đoán tâm lý</i> nằm trong hệ thống tri thức thực hành dành cho hệ đào tạo cử nhân tâm lý; nhằm trang bị cho người học những trải nghiệm và kỹ năng vận dụng trắc nghiệm tâm lý vào thực tiễn chẩn đoán tâm lý ở các lĩnh vực và độ tuổi khác nhau. Học phần bao gồm 5 phần thực hành: Thực hành chẩn đoán tâm lý trẻ mầm non; thực hành chẩn đoán tâm lý trẻ tiểu học; thực hành chẩn đoán trẻ lứa tuổi vị thành niên; thực hành chẩn đoán lứa tuổi thanh niên và người trưởng thành; thực hành chẩn đoán trẻ khuyết tật.	2	T1-3:Thực hành chẩn đoán tâm lý trẻ mầm non; T4-6: thực hành chẩn đoán tâm lý trẻ tiểu học; T7-9: thực hành chẩn đoán trẻ lứa tuổi vị thành niên; T10-12: thực hành chẩn đoán lứa tuổi thanh niên và người trưởng thành; T13-15: thực hành chẩn đoán trẻ khuyết tật.	Thực hành
29	Tham vấn	Học phần bao gồm hệ thống các vấn đề về cơ sở hình thành tham vấn tâm lý như một khoa học ứng dụng; phân tích chân dung nhà tham vấn tâm lý, thân chủ và khái quát các vấn đề của thân chủ; nêu các hình thức, mô hình quy trình tham vấn tâm lý chủ yếu và đề cập đến một số lĩnh vực tham vấn tâm lý trong thực tiễn.	3	Tuần 1-4: Chương 1 Tham vấn tâm lý là một khoa học ứng dụng; Tuần 5-8: Chương 2. Chân dung nhà tham vấn tâm lý và thân chủ; Tuần 9: Thi giữa kỳ; Tuần 10-12 Một số hình thức, mô hình và quy trình tham vấn tâm lý chủ yếu; Tuần 13: Seminar; Tuần 14-16: Chương 4: Một số lĩnh vực tham vấn tâm lý trong thực tiễn.	1/Đánh giá quá trình: Báo cáo nhóm và thảo luận nhóm; 2/Đánh giá giữa kỳ: Tự luận 3/Đánh giá cuối kỳ: Vấn đáp
30	Thực hành tham vấn trẻ em	Học phần <i>Thực hành tham vấn trẻ em</i> nằm trong hệ thống tri thức cơ bản dành cho hệ đào tạo cử nhân tâm lý; nhằm trang bị cho người học những trải nghiệm và kỹ năng vận dụng tham vấn tâm lý như: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thấu cảm....., giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức thực hành tham vấn tâm lý cho trẻ em trong thực tiễn như: tham vấn học đường, tham vấn gia đình, tham vấn sức khỏe tâm thần.	2	Phần 1: Thực hành quan sát ca và ôn lý thuyết tham vấn(5 tiết) Phần 2: Thực hành trên thân chủ giả định (5 tiết) Phần 3: Thực hành trên thân chủ thật (10 tiết)	kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
				Phần 4: Giám sát ca giả định và ca thật (10 tiết)	
31	Thực hành tham vấn cho thanh niên và người trưởng thành	Học phần <i>Thực hành tham vấn cho thanh thiếu niên và người trưởng thành</i> nằm trong hệ thống tri thức cơ bản dành cho hệ đào tạo cử nhân tâm lý; nhằm trang bị cho người học những trải nghiệm và kỹ năng vận dụng tham vấn tâm lý như: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thấu cảm....., giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức thực hành tham vấn tâm lý cho thanh thiếu niên và người trưởng thành trong thực tiễn như: tham vấn học đường, tham vấn gia đình, tham vấn sức khỏe tâm thần.	2	Tuần 1-6: Chương 1. Thực hành kỹ năng của nhà tham vấn; Tuần 7-10: Thực hành quy trình tham vấn và các loại hình tham vấn; Tuần 11-15 Thực hành case tham vấn	1/Đánh giá quá trình: Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm 2/Giữa kỳ: Thực hành phân tích case 3/Cuối kỳ: Thực hành case tham vấn với thanh niên và người trưởng thành
32	Psychopathology (Tâm bệnh học)	1.Understand the history of treatment of the mentally ill. 2.Discuss the terminology of psychopathology. 3. Understand the broad classification system of DSM-V. 4. Discuss and differentiate between the major schools of thought in psychology and their treatment/therapy approaches to the mentally ill. 5. Understand the various causes, symptoms, and treatments of the major mental disorders such as Psychosis, anxious and borderline disorders, including stress, anxiety, personality, substance abuse, eating, sexual, childhood, aging and violence disorders.	2	30 tiết/15 tuần	Đánh giá + Chuyên cần/Bài tập cá nhân: 20% + Bài thi giữa kỳ: 20%; + Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung. Hình thức thi: vấn đáp : 60%
33	Thực hành tâm bệnh học	1. Cung cấp cho người học cách đánh giá, chẩn đoán một số bệnh tâm lý; 2. Cung cấp nguyên lý và kỹ thuật của một số liệu pháp trị liệu tâm lý; 3. Cung cấp cách viết bệnh án và giới thiệu một số bệnh án mẫu; 4. Định hướng thái độ phù hợp, sẵn sàng giúp đỡ người bệnh.	2	30 tiết/15 tuần	Đánh giá +Chuyên cần/Bài tập cá nhân: 20% + Bài thi giữa kỳ: 20%; + Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung. Hình thức thi:vấn đáp : 60%
34	Định hình trường hợp	1. Cung cấp vai trò của định hình trường hợp và cấu trúc tổng thể của một báo cáo định hình trường hợp;	2	30 tiết/15 tuần	Đánh giá + Chuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>2. Cung cấp các bước xây dựng định hình trường hợp;</p> <p>3. Định hình được trường hợp rối loạn cụ thể;</p> <p>4. Cung cấp quy trình phát triển kế hoạch can thiệp dựa trên định hình trường hợp ;</p> <p>5. Xây dựng được kế hoạch can thiệp dựa trên định hình trường hợp;</p> <p>6. Nhận ra được tầm quan trọng của việc định hình ca lâm sàng</p>			<p>cần/Bài tập cá nhân: 10%</p> <p>+ Bài thi giữa kỳ: 30%;</p> <p>+ Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung. Hình thức thi: Bài thực hành : 60%</p>
35	Clinical psychology (Tâm lý học lâm sàng)	<p>1. To formulate the basic concepts of clinical psychology, or the study of diagnosing, treating, and understanding abnormal and maladaptive behaviors</p> <p>2. Form a scientific and have based on the <i>Diagnostic and Statistical Manual IV-TR</i> (DSM), which is the industry standard for both clinical psychologists and psychiatrists, frequently in order to diagnose mental disorders.</p> <p>3. Forming skills in paradigms and classification methods before learning about individual disorders, their treatments, and common explanations concerning their origins; Conclude with an introduction to methods of intervention with the people have mental health</p>	3	45 tiết/15 tuần	<p>Đánh giá</p> <p>+ Chuyên cần/Bài tập cá nhân: 10%</p> <p>+ Bài thi giữa kỳ: 30%;</p> <p>+ Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung. Hình thức thi: Bài thực hành : 60%</p>
37	Nhập môn tâm lý trị liệu	<p>1. Cung cấp những kiến thức chung về tâm lý trị liệu, giúp sinh viên trình bày được khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của tâm lý trị liệu;</p> <p>2. Cung cấp những kiến thức chung về tâm lý trị liệu, giúp sinh viên mô tả được những vấn đề của thân chủ, phẩm chất, năng lực của nhà trị liệu, quy trình trị liệu.</p> <p>3. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bốn tiếp cận chính trong tâm lý trị liệu: tiếp cận Phân tâm học, tiếp cận Hành vi, tiếp cận Nhận thức, tiếp cận Nhân văn, giúp sinh viên trình bày được nội dung chính trong từng tiếp cận, cũng như những kỹ thuật trị liệu đặc trưng của từng tiếp cận.</p> <p>4. Giúp sinh viên đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của từng tiếp cận.</p> <p>5. Trang bị kỹ năng nhận diện vấn đề của thân chủ và các kỹ thuật điển hình của các tiếp cận</p>	2	30 tiết/15 tuần	<p>Đánh giá:</p> <p>+ Chuyên cần/Bài tập cá nhân: 10%</p> <p>+ Bài thi giữa kỳ: 30%;</p> <p>+ Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung. Hình thức thi: Tự luận: 60%</p>
36	Psychotherapy (Các liệu pháp)	<p>1. Define psychotherapy and describe the historical development of its practice;</p>	3	45 tiết/15 tuần	Đánh giá:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	pháp trị liệu (tâm lý)	Identify the qualities most useful in a psychotherapist; 2. Discuss the different ways in which psychotherapy affects both patient/client and counselor/therapist; 3. Describe how each theory/therapy conceptualizes a) human nature, b) psychopathology, and c) the therapeutic change process; 4. Identify the major therapeutic techniques used to promote change in each type of therapy 5.. Compare and contrast individual theories/therapies with family theories/therapies 6. Describe a) the important historical figures associated with each theory and b) the historical context in which the theory emerged			+ Chuyên cần/Bài tập cá nhân: 10% + Bài thi giữa kỳ: 30%; + Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung. Hình thức thi: Tự luận: 60%
37.	Thực hành các liệu pháp trị liệu tâm lý	1. Người học biết được rõ ràng ý nghĩa của học phần thực hành các liệu pháp tâm lý; 2. Người học có thái độ tích cực và chủ động trong hoạt động thực hành các liệu pháp tâm lý; 3. Người học được trải nghiệm các tình huống và rèn luyện các kỹ thuật trị liệu cơ bản của các liệu pháp tâm lý 4. Người học được trải nghiệm làm việc theo quy trình của các liệu pháp tâm lý và có khả năng ứng dụng các tri thức lĩnh hội được vào thực hành trị liệu các rối nhiễu tâm lý, trị liệu gia đình.	2	30 tiết/15 tuần	Đánh giá + Chuyên cần/Bài tập cá nhân: 10% + Bài thi giữa kỳ: 30%; + Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung. Hình thức thi: Tự luận: 60%
38.	Thực tập tốt nghiệp	1. Người học có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng về tâm lý học vào các mục tiêu nghề nghiệp 2. Người học có ý thức tự điều chỉnh bản thân để học tập và làm việc hiệu quả	6	thực hành, thực tập: 90 tiết; tự học: 270 tiết	thực hành/chăm sóc báo cáo thực tập
39.	Tâm lý học thần kinh	1. Cung cấp những kiến thức chung về tâm lý học thần kinh: vai trò, đối tượng, nhiệm vụ, lịch sử ra đời của TLHTK; các thuyết về định khu chức năng và các khối chức năng của não; các quá trình tâm lý và tổ chức não; 2. Hình thành kỹ năng chẩn đoán được định khu đối với các rối loạn chức năng tương ứng với các tình huống trong thực tế. 3. Giúp sinh viên có thái độ đúng đắn trong việc nhìn nhận những tổn thương tâm lý ở	2	30 tiết lý thuyết/15 tuần	Đánh giá +Chuyên cần/Bài tập cá nhân: 20% + Bài thi giữa kỳ: 20%; + Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung. Hình

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thân chủ; nghiêm túc trong chẩn đoán có liên quan đến định khu chức năng của não			thức thi: Bài tự luận: 60%
40.	Nhân học	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nội hàm cơ bản, có hệ thống về khoa học Nhân học; - - Hiểu và phân tích được các vấn đề về nội hàm cụ thể của khoa học nhân học: nguồn gốc loài người, chủng tộc, quá trình tộc người, văn hóa tộc người, ngôn ngữ tộc người, môi trường và kinh tế, thân tộc, dòng họ, hôn nhân gia đình, tổ chức xã hội, phân tầng xã hội; - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải các vấn đề chính và liên quan đến con người nói chung và dân tộc nói riêng 	3	45 tiết lý thuyết/15 tuần	<p>Đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuyên cần/Bài tập cá nhân: 20% + Bài thi giữa kỳ: 20%; + Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung. Hình thức thi: Bài tự luận: 60%
41.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<p>MT 1.Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên văn hóa Việt Nam.;</p> <p>MT2: - Nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa học nói chung và cơ sở văn hóa Việt Nam nói riêng. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được khái niệm văn hóa và văn hóa học; nắm được các đối tượng và phương pháp nghiên cứu của văn hóa học. + Hiểu được các đặc trưng văn hóa thông qua từng thành tố văn hóa: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa tổ chức xã hội... + Nhận diện bối cảnh, thành tựu của các giai đoạn phát triển văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền sử, sơ sử đến nay; <p>MT3: - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để dự đoán, phân tích tâm lý con người Việt Nam nói chung để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển.</p>	2	Lý thuyết: 20 tiết; thảo luận: 10 tiết	<p>Đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> +Chuyên cần/Bài tập cá nhân: 20% + Bài thi giữa kỳ: 20%; + Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung. Hình thức thi: Bài tự luận: 60%
42.	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	Môn học gồm 10 bài học nhằm cung cấp các kiến thức về quyền và sức khỏe tình dục bao gồm các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, tình dục, sự mang thai, các nguy cơ lây nhiễm qua đường tình dục, biết bảo vệ bản thân tránh được sự xâm hại, quấy rối tình dục, hiểu rõ về giới và các quyền có liên quan đến giới, đặc biệt thể hiện qua các hành vi tình dục và cuối cùng nhằm hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết định của bản thân khi đối diện trước những tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên.	2	<p>Bài 1. Khởi hành (3 tiết)</p> <p>Bài 2. Tâm sinh lý lứa tuổi sinh viên (3 tiết)</p> <p>Bài 3. Giới và việc đấu tranh cho các quyền về giới (3 tiết)</p> <p>Bài 4. Tình bạn, tình yêu và các quan hệ khác (3</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập)</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Nhật ký môn học)</p> <p>Thi kết thúc học phần: 50% (Trắc nghiệm)</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
				tiết) Bài 5. Tình dục (3 tiết) Bài 6. Mang thai (3 tiết) Bài 7. Bảo vệ bản thân bạn (3 tiết) Bài 8. Tình yêu không làm đau (3 tiết) Bài 9. Ước mơ và lập kế hoạch cho tương lai (3 tiết) Bài 10. Tổng kết và chia sẻ (3 tiết)	
43.	Tâm lý học khác biệt	Học phần tâm lý học khác biệt nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về vị trí, vai trò, những luận điểm nghiên cứu và nội dung cơ bản của tâm lý học sai biệt; Cung cấp những kiến thức cơ bản về sự khác biệt tâm lý cá nhân; Giúp sinh viên có kỹ năng vận dụng những kiến thức tâm lý học sai biệt trong cuộc sống, nghiên cứu và nghề nghiệp sau này; Hình thành thái độ đúng đắn đối với môn học và với những hoạt động liên quan đến sự khác biệt tâm lý	2	Tuần 1-2: Chương 1. Những vấn đề chung của Tâm lý học sai biệt (4 tiết) Tuần 3-7: Chương 2. Những đặc trưng cá nhân của các quá trình tâm lý (10 tiết) Tuần 8-10: Chương 3. Tính cá thể của con người (6 tiết) Tuần 10-13: Chương 4. Con người trong nhóm (6 tiết) Tuần 14-15: Chương 5. Phân loại cá nhân (2 tiết)	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập và báo cáo nhóm) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Bài tập thực hành cá nhân) Thi kết thúc học phần: 50% (Tiểu luận)
44.	Tâm lý học pháp lý	1. Vận dụng các kiến thức về tâm lý học để giải thích các hiện tượng tâm lý liên quan đến hành vi phạm tội và hoạt động tư pháp 2. Phát hiện các vấn đề nghiên cứu về sự phát triển tâm lý tội phạm và tâm lý cá nhân liên quan đến hoạt động tư pháp 3. Duy trì và phát triển các mối quan hệ trong làm việc nhóm	2	Tuần 1: Chương 1. Những vấn đề chung của tâm lý học pháp lý Tuần 2-3: Chương 2. Một số vấn đề tâm lý học tội phạm Tuần 4-7: Chương 3. Đặc điểm tâm lý của hoạt động điều tra Tuần 8-11: Chương 4. Đặc điểm tâm lý của hoạt động xét xử	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tiểu luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
				Tuần 12-15: Chương 5. Đặc điểm tâm lý của hoạt động thi hành án	
45.	Tâm lý học trí tuệ	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về trí tuệ như một số hướng tiếp cận trí tuệ trong tâm lý học, cấu trúc của trí tuệ, sự hình thành và phát triển trí tuệ, các yếu tố tác động tới sự phát triển trí tuệ cá nhân, phương pháp nghiên cứu trí tuệ trong tâm lý học. Trên cơ sở đó, Tâm lý học trí tuệ làm nền tảng giúp người học tìm hiểu sâu hơn về các phương pháp tác động nhằm	2	30 tiết/ 15 tuần	Tiểu luận
46.	Tâm lý học giới tính	1. Cung cấp tri thức cơ bản, chung nhất về tâm lý học giới tính. Đó là những hiểu biết tâm lý của người nam và nữ, sự khác biệt cơ bản trong tâm lý của nam và nữ. 2. Hình thành cho SV một số kỹ năng cơ bản phát hiện những biểu hiện tâm lý, hành động của con người thuộc giới tính nam, nữ; những vấn đề phát sinh từ sự quan hệ của những người khác giới tính; bước đầu có những phương pháp tiếp cận và điều tra những vấn đề tâm lý của giới. 3. Xây dựng cho sinh viên cách nhìn nhận, đánh giá và có thái độ cư xử phù hợp trong cuộc sống và có những quyết định đúng đắn trong tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình	3	45 tiết/15 tuần	Thảo luận/báo cáo nhóm/tự luận
47.	New values in Psychology	1. To formulate the basic knowledge of new trends of psychology: the development of the fundamental theories, the research directions and basic applications in new fields. 2. Form a scientific attitude in evaluating and selecting perspectives and research directions in the study of psychology. 3. Forming information searching, analyzing and systemizing skills in the field of psychology.	2	Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết; Tự học: 60 tiết	bài tập nhóm/tự luận
48.	Applying information technology in data processing (Ứng dụng công nghệ thông tin)	This module provides overview of the research process- data analysis and skills in using SPSS software in the processing of psychological research data; Statistical analysis techniques describe and analyze statistical inference.	2	Chapter 1- Overview of research process- data analysis Chapter 2 – Overview for SPSS Chapter 3: Open Data	- Theory: 5 hrs - Practice: 30 hrs

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trong xử lý số liệu			Chapter 4: Data Editor Chapter 5: Compute change data Chapter 6: File control and file conversion Chapter 7: Work with the output Chapter 8: Descriptive statistics Chapter 9: Comparison of mean values	
49	Psychology of retarded children (Tâm lý học trẻ chậm phát triển trí tuệ)	Học phần trình bày khái quát về: Những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em chậm phát triển trí tuệ, phương pháp nghiên cứu sự phát triển trí tuệ của trẻ em, đặc điểm nhận thức ở trẻ chậm phát triển trí tuệ, đặc điểm nhân cách của trẻ chậm phát triển trí tuệ, tình hình giáo dục trẻ em chậm phát triển trí tuệ trên thế giới và trong nước.	2	30 tiết/15 tuần	Báo cáo tiểu luận
50	Công tác xã hội	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người học có kiến thức cơ bản về công tác xã hội 2. Người học vận dụng được các nguyên tắc/ quy trình/ phương pháp công tác xã hội vào việc xây dựng hoạt động hỗ trợ tâm lý 3. Người học tham gia vào các hoạt động tập thể để môi trường học tập phát triển hoạt động nhóm để thực hiện các hoạt động học tập 	4	45 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập); kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân); Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận).

3. Ngành Cử nhân Công tác xã hội

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lênin	<p>1. Hiểu được kiến thức khái quát về triết học.</p> <p>2. Hiểu đúng vấn đề cơ bản của triết học, quan điểm của triết học Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.</p> <p>3. Hiểu được vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>4. Hiểu đúng những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật: mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; hai nguyên lí; 03 quy luật; 06 cặp phạm trù;</p> <p>5. Hiểu đúng mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội; biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội;</p> <p>6. Chứng minh được sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên.</p> <p>7. Hiểu đúng vấn đề giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề con người; vai trò của quần chúng nhân dân, vĩ nhân, lãnh tụ.</p>	3	35 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 90 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	<p>1. Hiểu được sự hình thành, phát triển, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin.</p> <p>2. Hiểu được lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa, hàng hóa, giá trị thặng dư, các kiến thức cơ bản về thị trường, cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>3. Trình bày được quan niệm của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các kiến thức liên quan đến quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>4. Hiểu được các kiến thức liên quan đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>5. Ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p>	3	35 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 90 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>1. Hiểu được chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin; hoàn cảnh lịch sử, vai trò của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đối với sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng và phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>2. Trình bày được khái niệm, đặc điểm giai cấp công nhân, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; hiểu được nội dung, phương hướng xây dựng, phát triển giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.</p> <p>3. Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>4. Giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ, dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước xã hội chủ nghĩa, về dân chủ và chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>5. Phân tích được cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong chủ nghĩa xã hội và vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>6. Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề</p>	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 90 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình ở Việt Nam hiện nay.			
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>1. Hiểu được quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhận thức đúng về vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>2. Nhận thức đúng đường lối cách mạng của Đảng trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975).</p> <p>3. Hiểu được những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ Đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội (1975-2018).</p> <p>4. Xây dựng cho sinh viên niềm</p>	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>tin vào sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Sinh viên nắm vững đường lối của Đảng, từ đó vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.</p> <p>5. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.</p>			
5	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p>	<p>1. Hiểu được bối cảnh lịch sử - xã hội, các nhân tố góp phần hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Trình bày được hệ thống tư tưởng, văn hóa và đạo đức của Hồ Chí Minh</p> <p>3. Phân tích được những sáng tạo về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh.</p> <p>4. Đánh giá đúng sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>5. Xây dựng được lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự phát triển đất nước; vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện đạo đức, tác phong và công tác của bản thân; dũng cảm đấu tranh chống những quan điểm và hiện tượng sai trái.</p>	2	<p>20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học</p>	<p>Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Tin học đại cương (Tin học CN1)	Học phần cung cấp kiến thức về công nghệ thông tin, internet và an toàn và bảo mật thông tin, giúp sinh viên làm chủ được môi trường internet, sử dụng được các dịch vụ; - Học phần trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong tin học văn phòng.	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 60 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/ thực hành/
7	Pháp luật đại cương	1. Hiểu được khái niệm, nguồn gốc, bản chất, chức năng, vai trò của Nhà nước, các cơ quan cấu thành bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nguồn gốc, bản chất, chức năng pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật. 2. Hiểu được khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật và sự kiện pháp lý. 3. Giải thích được các hình thức thực hiện pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. 4. Hiểu đúng một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính và Luật Phòng chống tham nhũng. 5. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người học, xử lý được các tình huống pháp luật trong thực tiễn.	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Kỹ năng học tập	Học phần Kỹ năng học tập nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến tổ chức hoạt động học tập, đặc trưng học tập ở trường đại học, những yêu cầu, nhiệm vụ học tập trong trường Đại học, chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Đặc biệt, hình thành cho sinh viên những kỹ năng học tập cơ bản như: tìm kiếm và khai thác thông tin, các kỹ năng học tập trên lớp và các kỹ năng tự học. Ngoài ra, còn hình thành ở sinh viên thái độ học tập tích cực, chủ động và có trách nhiệm trong học tập.	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) nhật ký môn học Thi kết thúc học phần: 50% (tiểu luận)
9	Giáo dục học đại cương	1. Hệ thống kiến thức cơ bản, hiện đại về những vấn đề chung của giáo dục học; 2. Hình thành những kỹ năng cơ bản trong việc phân tích các vấn đề giáo dục; 3. Bồi dưỡng kỹ năng tự học; thái độ nghề nghiệp cần thiết đối với công việc trong tương lai;	3	- Lý thuyết: 20; - Thảo luận: 10 tiết; - Tự học: 60 tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Xã hội học đại cương	<p>Trình bày được những kiến thức cơ bản về Xã hội học, như: lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học, đối tượng chức năng của Xã hội học, các khái niệm, phạm trù cơ bản của Xã hội học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu và một số lĩnh vực Xã hội học chuyên ngành, mối quan hệ giữa Xã hội học và Công tác xã hội. Vận dụng các quan điểm, cách tiếp cận (phương pháp luận) Xã hội học vào việc nghiên cứu, lí giải các hiện tượng, quá trình và các vấn đề trong đời sống xã hội; Vận dụng một số phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu Xã hội học trong thực tiễn học tập, công tác và đời sống</p>	3	<p>Lý thuyết: 30 Thảo luận: 15</p>	<p>Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5</p>
11	Tâm lý học đại cương	<p>Tâm lý học đại cương là khoa học cơ sở của chuyên ngành cử nhân công tác xã hội. Học phần giúp cho sinh viên có được hệ thống các kiến thức hiện đại về tâm lý học để sử dụng trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong hoạt động nghề nghiệp. Ngoài ra nó còn cung cấp một hệ thống các khái niệm khoa học để giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu nhiều môn khoa học cơ sở và khoa học chuyên ngành trong chương trình.</p> <p>Học phần trình bày một cách có hệ thống những tri thức cơ bản, hiện đại về tâm lý học đại cương, bao gồm các</p>	3	<p>Lý thuyết: 30 Thảo luận: 15</p>	<p>Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vấn đề: Đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, ý nghĩa của tâm lý học; bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý; hoạt động – ý thức – nhân cách; các quá trình, trạng thái và các thuộc tính tâm lý.			
12	Tâm lý học phát triển	Tâm lý học phát triển là khoa học cơ sở của chuyên ngành cử nhân công tác xã hội. Tâm lý học phát triển giúp cho sinh viên có những hiểu biết khoa học về tiến trình hình thành, phát triển tâm lý của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi từ thời kỳ bào thai đến khi sinh ra, lớn lên, trưởng thành, già lão. Hệ thống tri thức của môn học này là một trong những cơ sở khoa học quan trọng, để người làm công tác xã hội lựa chọn nội dung và hình thức tác động hợp lý đối với những người cụ thể ở các độ tuổi khác nhau.	4	60 tiết/15 tuần 43 tiết lí thuyết, 17 tiết thảo luận/bài tập/Thực hành	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ (báo cáo nhóm):+Trọng số: 0.3 - Thi hết môn (tự luận) +Trọng số: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tâm lý học xã hội	Tâm lý học Xã hội là một chuyên ngành trong khoa học tâm lý. Tâm lý học xã hội giúp cho sinh viên có những hiểu biết khoa học chuyên sâu về hiện tượng tâm lý xã hội và các phương pháp nghiên cứu các hiện tượng này, làm cơ sở cho việc nghiên cứu và ứng dụng giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn gắn với công tác xã hội và tổ chức đời sống xã hội, tổ chức và điều khiển nhóm. Học phần bao gồm các vấn đề cơ bản sau: Khái quát về tâm lý học xã hội; Các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản và các quy luật hình thành chúng; Giao tiếp xã hội; Tâm lý học về nhóm; Hành vi gây hấn.	3	Lý thuyết: 30 Thảo luận: 15	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5
14	Tham vấn tâm lý	Học phần bao gồm hệ thống các vấn đề về: Lịch sử hình thành tham vấn tâm lý như một khoa học ứng dụng; Phân tích vai trò, nhiệm vụ của nhà tham vấn tâm lý trong công tác xã hội Đặc điểm thân chủ và khái quát các vấn đề của thân chủ Kỹ năng của nhà tham vấn trong công tác xã hội Quy trình tham vấn và tham vấn trong công tác xã hội	4	40 tiết lý thuyết 20 tiết thực hành/thảo luận	1/Đánh giá quá trình: Báo cáo nhóm và thảo luận nhóm; 2/Đánh giá giữa kỳ: Tự luận 3/Đánh giá cuối kỳ: Vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Nhập môn công tác xã hội	Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội trên Thế giới và Việt Nam.... Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của Công tác xã hội cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Học phần cũng giới thiệu các kiến thức về các phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng thực hành Công tác xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội.	3	Lý thuyết 30tiết Thực hành 15tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Vấn đáp +Trọng số: 0.5
16	Thực tế công tác xã hội	Học phần “Tham quan thực tế Công tác xã hội” đưa sinh viên đi tìm hiểu các tổ chức, cơ sở hoặc cơ quan (gọi chung là tổ chức) hiện đang hoạt động công tác xã hội, đồng thời tham gia ở mức căn bản một số hoạt động công tác xã hội trong thực tế.	2	Thực tế: 30 tiết	Nhật ký quá trình: 20% Đánh giá của GVHD: 40% Tiểu luận:40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17	Công tác xã hội với cá nhân	Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội cá nhân trên thế giới và Việt Nam, những yếu tố căn bản của CTXH cá nhân, các công cụ, kỹ thuật trong can thiệp giúp đỡ đối tượng và tiến trình CTXH cá nhân nhằm thực hiện các chức năng xã hội, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Học phần cũng giới thiệu các kiến thức chung về một số lý thuyết và khái niệm cơ bản trong CTXH cá nhân, những vấn đề đối tượng thường gặp nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy từ đó hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống cá nhân.	3	35 lý thuyết, 10 thực hành, thảo luận	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Vấn đáp +Trọng số: 0.5
18	Thực hành Công tác xã hội với cá nhân	Học phần thực hành CTXH với cá nhân hướng đến việc tổ chức cho sinh viên thực hành các kỹ năng cơ bản, vận dụng tiến trình CTXH với cá nhân trong một ca cụ thể.	4	60 tiết thực hành tại cơ sở	Đánh giá của giáo viên hướng dẫn: 30% - Đánh giá của nhóm: 20% - Bài thu hoạch cá nhân: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Công tác xã hội với nhóm	Học phần bao gồm những nội dung như: kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội nhóm, vị trí, khái niệm và đặc trưng công tác xã hội nhóm, hệ thống lý thuyết sử dụng trong CTXH với nhóm. Tiến trình công tác xã hội nhóm, năng động nhóm, các kỹ năng sử dụng trong CTXH với nhóm	3	35 lý thuyết, 10 thực hành, thảo luận	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Vấn đáp +Trọng số: 0.5
20	Thực hành Công tác xã hội với nhóm	Học phần thực hành CTXH với nhóm hướng đến việc tổ chức cho sinh viên thực hành các kỹ năng cơ bản của CTXH nhóm, vận dụng tiến trình CTXH với nhóm trong một nhóm đối tượng cụ thể.	4		Đánh giá của cơ sở: 20% - Đánh giá của GV hướng dẫn: 20% - Bài thu hoạch cá nhân: 60%
21	Tổ chức và phát triển cộng đồng	Học phần này đề cập đến những nội dung cơ bản về Phát triển cộng đồng trên Thế giới và Việt Nam. Các khái niệm liên quan đến phát triển cộng đồng, vai trò nhiệm vụ của người tác viên phát triển cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng, phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân trong cộng đồng	3	Lý thuyết 30tiết Thực hành 15tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Thực hành Phát triển cộng đồng	Học phần thực hành phát triển cộng đồng hướng đến việc tổ chức cho sinh viên thực hành các kỹ năng cơ bản, vận dụng tiến trình tổ chức và phát triển cộng đồng tại một cộng đồng cụ thể.	4	Thực hành: 60 tiết	Nhật ký quá trình: 20% Đánh giá của GVHD: 40% Tiểu luận: 40%
23	Phương pháp Giáo dục kỹ năng sống	<ul style="list-style-type: none"> -MT1: Có các kiến thức cơ bản về giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống - MT2: Có năng lực thiết kế và xây dựng kế hoạch giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho người học - MT3: Có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho người học - MT4: Có năng lực phối hợp với các lực lượng giáo dục khác nhau trong giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống - MT5: Tích cực, chủ động phát triển hoàn thiện bản thân và tích cực trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho người học 	4	60 tiết	Đánh giá: Báo cáo nhóm Báo cáo cá nhân Tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
24	Hành vi con người và môi trường xã hội	Học phần gồm những kiến thức cơ bản về hành vi con người và môi trường xã hội (các khái niệm hành vi, hành vi con người, môi trường, môi trường xã hội) và đề cập đến một số khái niệm liên quan như: hệ thống, sinh thái, sơ đồ sinh thái cùng các mối quan hệ, tương tác của nó với hành vi con người. Các lý thuyết nghiên cứu hành vi con người từ cuối thế kỷ 19 đến thế kỷ 20 làm nền tảng cơ sở lý luận cho sinh viên trong quá trình phân tích, giải thích các mối quan hệ giữa hành vi con người và môi trường xã hội khi giải quyết những vấn đề trong thực tiễn. Mối quan hệ giữa các giai đoạn lứa tuổi với môi trường xã hội.	3	Lý thuyết 30tiết Thực hành 15tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5
25	An sinh xã hội	- Phát biểu và phân tích được những kiến thức về khái niệm hệ thống an sinh xã hội (ASXH), tính chất và sự cần thiết của hệ thống an sinh xã hội trong một quốc gia; nắm bắt được hệ thống an sinh xã hội và những chính sách an sinh xã hội của nước ta. - Nhận diện và lý giải các vấn đề xã hội, đặc biệt là một số vấn đề xã hội có tính thời sự; liên hệ với tính hiệu quả của các thiết chế xã hội ở Việt Nam. - Hình thành kỹ năng kết nối, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các nhóm thân chủ trong hệ	3	Lý thuyết: 25 Thảo luận: 20	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>thống an sinh xã hội ở Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tham gia vào các hoạt động CTXH, góp phần xây dựng một nền an sinh phát triển, đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội. 			
26	Giới và phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm giới và các khái niệm có liên quan - Phân tích được những kiến thức cơ bản về giới từ cách tiếp cận xã hội học. - Trình bày được quá trình phát triển của khoa học giới ở Việt Nam, từ đó phân tích được mối quan hệ giữa giới và phát triển. - Nêu được các quan điểm của nhà nước về vấn đề giới. - Liệt kê được các bộ máy và cơ quan chuyên trách về giới ở Việt Nam. - Phân tích, đánh giá được vị trí của khoa học giới trong các chương trình, chính sách, dự án phát triển. - Đánh giá được vai trò của bình đẳng giới trong lao động và các vấn đề xã hội. - Có thái độ phê phán những quan niệm, hành vi giới không phù hợp với sự phát triển và 	3	<p>Lý thuyết: 35 Thảo luận: 10</p>	<p>Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong thực tiễn			
27	Chính sách xã hội	<p>- Trình bày và phân tích được các khái niệm cơ bản, quá trình hình thành của chính sách xã hội, từ đó sinh viên nhận thức được chính sách xã hội là một khoa học, có quan hệ hữu cơ với Công tác xã hội trong quá trình giải quyết các vấn đề xã hội.</p> <p>- Vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và đánh giá các chính sách xã hội hiện nay ở địa phương.</p> <p>- Có thái độ tích cực đối với môn học, vận động xã hội thực hiện chính sách xã hội hướng theo mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.</p>	3	<p>Lý thuyết: 30 Thảo luận: 15</p>	<p>Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5</p>
28	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	<p>- Phân biệt nghiên cứu trong công tác xã hội với nghiên cứu xã hội học; hiểu được bản chất, đặc điểm của các loại hình nghiên cứu trong công tác xã hội;</p> <p>- Trình bày được kỹ thuật thiết kế một cuộc nghiên cứu trong công tác xã hội; đặc tính và kỹ thuật sử dụng các phương pháp trong nghiên cứu định lượng (điều tra, thực nghiệm), các phương pháp nghiên cứu định tính (phân tích tư liệu sẵn có, quan sát, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm tập trung, phân tích điển cứu); kỹ thuật phân tích dữ liệu và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu.</p> <p>- Thiết kế một cuộc nghiên</p>	3	<p>Lý thuyết: 25 Thảo luận, thực hành: 20</p>	<p>Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tiểu luận+Báo cáo +Trọng số: 0.5</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>cứu trong công tác xã hội, kỹ năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản, kỹ năng phân tích dữ liệu định lượng và dữ liệu định tính, kỹ năng viết và trình bày báo cáo nghiên cứu.</p> <p>- Có thái độ trung thực, tích cực nghiên cứu</p>			
29	Xây dựng và quản lý dự án	<ul style="list-style-type: none"> ·Cung cấp kiến thức về dự án, mô hình dự án, phương pháp và kỹ thuật quản lý dự án xã hội trong lĩnh vực phát triển. ·Cung cấp kiến thức về quy trình thiết kế dự án từ quá trình nghiên cứu, phân tích vấn đề xã hội. ·Tìm hiểu về một dự án xã hội đã được thiết kế và thực hiện dự án, qua đó sinh viên sẽ hiểu biết thêm về việc vận hành và thực hiện một dự án cụ thể. 		<p>Lý thuyết 25tiết Thực hành 20tiết</p>	<p>Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5</p>
30	Công tác xã hội trong trường học	<p>-Phát biểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong trường học như: sự hình thành, khái niệm, đối tượng, mục đích, nhiệm vụ của công tác xã hội trong trường học; tầm quan trọng của CTXH trong trường học; vai trò của nhân viên CTXH trong trường học; các phương pháp can thiệp CTXH trong trường học; vận dụng được lý thuyết và kỹ năng để giải quyết tình huống cụ thể.</p> <p>- Đánh giá vấn đề, đề xuất được các biện pháp phối hợp</p>		<p>Lý thuyết: 25 Thảo luận: 20</p>	<p>Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với nhà trường và các tổ chức xã hội để thực hiện phòng ngừa và can thiệp trợ giúp các đối tượng trong trường học. - Có thái độ ứng xử phù hợp khi thực hiện can thiệp CTXH trong trường học.			
31	Công tác xã hội với trẻ em	Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với trẻ em như: khái niệm, mục đích, nguyên tắc hành động, vai trò trách nhiệm của cán bộ xã hội; quyền trẻ em; hệ thống chính sách pháp luật trong chăm sóc và bảo vệ trẻ em; tiến trình công tác xã hội với trẻ em; một số kỹ năng, kỹ thuật khi làm việc với đối tượng là trẻ em.	3		- Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5
32	Quản trị ngành công tác xã hội	Cung cấp cho sinh viên nắm bắt được tính chất và yêu cầu của công tác quản trị một tổ chức, nhất là tổ chức xã hội hay cơ sở xã hội. Yêu cầu cốt lõi nhất là quản trị năng động và tôn trọng cũng như đặt trọng tâm vào mối quan hệ nhân sự . Những kỹ năng cốt lõi như kỹ năng ra quyết định trong quản trị, công tác hoạch định, công tác tổ chức, bố trí nhân sự và quản lý nguồn nhân lực, lãnh đạo và truyền thông trong quản trị... được đặt trong bối cảnh cơ sở xã hội, phục vụ và cung cấp dịch vụ cho thân chủ. Đặc biệt nhấn mạnh tính	3	Lý thuyết 30tiết Thực hành 15tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chất năng động của tinh thần làm việc theo nhóm(êkip); nhấn mạnh mối quan hệ cộng đồng và công tác kiểm huấn, một phương pháp đặc thù của quản trị ngành công tác xã hội.			
33	Công tác xã hội trong bệnh viện	Công tác xã hội trong bệnh viện đề cập đến vai trò, chức năng và nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện. Các vấn đề nảy sinh trong bệnh viện, cách ứng phó hiện nay và trách nhiệm của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện. Cung cấp một số kỹ năng cần thiết cho nhân viên CTXH khi làm trong bệnh viện.	3	30 lý thuyết, 15 thực hành, thảo luận	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5
34	Kiểm huấn công tác xã hội	Học phần mô tả các yếu tố cơ bản của kiểm huấn, các đặc điểm, chức năng của kiểm huấn trong ngành công tác xã hội, các mô hình kiểm huấn trong công tác xã hội, tiến trình kiểm huấn và các kỹ năng kiểm huấn trong công tác xã hội.	3	30 lý thuyết, 15 thực hành, thảo luận	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Công tác xã hội với người khuyết tật	<p>Học phần này giới thiệu những vấn đề cơ bản về khuyết tật, người khuyết tật và hoạt động công tác xã hội với người khuyết tật gồm:</p> <p>Khái quát chung về khuyết tật và người khuyết tật: như khái niệm; phân loại các dạng khuyết tật; nguyên nhân gây ra khuyết tật; đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu của người khuyết tật, ảnh hưởng sự kỳ thị với người khuyết tật và khả năng thích ứng của họ.</p> <p>Chính sách và văn bản pháp luật liên quan đến quyền lợi và trách nhiệm của người khuyết tật trong xã hội về các lĩnh vực như tiếp cận y tế, giáo dục, giao thông, hạ tầng, dịch vụ công cộng.</p> <p>Một số mô hình trợ giúp người khuyết tật đang có ở Việt Nam</p> <p>Tổ chức thực hiện các phương pháp Công tác xã hội cho người khuyết tật.</p> <p>Nâng cao năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động hỗ trợ của công tác xã hội đối với người khuyết tật cho người học.</p>	3	<p>Lý thuyết 30tiết Thực hành 15tiết</p>	<p>Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Công tác xã hội với người cao tuổi	Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về Người cao tuổi, các kỹ năng cơ bản để hướng dẫn người học thực hành tốt nhiệm vụ cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ cho người cao tuổi (đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, kết nối mạng lưới, và vận động và thực hiện các chính sách, chương trình cho người cao tuổi)	2	Lý thuyết 20tiết Thực hành 10tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5
37	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhóm người nghiện ma túy, mại dâm và HIV/AIDS. Vai trò của nhân viên CTXH đối với các nhóm đối tượng. Tiến trình và kỹ năng can thiệp CTXH với nhóm người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.	3	45 tiết thực hành tại cơ sở	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5
38	Thực tập tốt nghiệp	Học phần thực tập tốt nghiệp gồm hai phần: Phần làm việc trên lớp và tại cộng đồng/cơ sở. Nội dung trên lớp bao gồm: nội quy, quy định, kế hoạch, lựa chọn địa điểm... và phần đánh giá tổng kết khi kết thúc thực tập. Nội dung tại cơ sở thực tập là quá trình hội nhập vào cộng đồng và cung cấp các dịch vụ CTXH.	3	45 tiết thực hành tại cơ sở	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5
39	<i>Thực hành công tác Đoàn-Hội trong phát triển cộng đồng</i>	Sau khi học xong môn học, người học có: 1. Kiến thức cơ bản về đội, nhóm; các nguyên tắc hoạt động của đội, nhóm; phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động nhóm; thiết kế và tổ chức hoạt	2	Lý thuyết: 30 tiết; Tự học: 60 tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>động.</p> <p>2. Vận dụng kiến thức vào việc thiết kế và tổ chức các hoạt động đội, nhóm.</p> <p>3. Hình thành các kỹ năng tổ chức các hoạt động đội, nhóm</p> <p>4. Thái độ tích cực, chủ động và trách nhiệm trong học tập.</p>			
40	<i>Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính</i>	Môn học gồm 10 bài học nhằm cung cấp các kiến thức về quyền và sức khỏe tình dục bao gồm các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, tình dục, sự mang thai, các nguy cơ lây nhiễm qua đường tình dục, biết bảo vệ bản thân tránh được sự xâm hại, quấy rối tình dục, hiểu rõ về giới và các quyền có liên quan đến giới, đặc biệt thể hiện qua các hành vi tình dục và cuối cùng nhằm hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết định của bản thân khi đối diện trước những tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên.	2	Lý thuyết: 30 tiết; Tự học: 60 tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5
41	<i>Sức khỏe cộng đồng</i>	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sức khỏe và tham vấn sức khỏe cộng đồng. Hiểu được các vấn đề sức khỏe thể chất và tinh thần mà cộng đồng thường gặp phải và các giải pháp liên quan. Nhận diện được các vấn đề và ưu tiên sức khỏe cộng đồng và xây dựng được các kế hoạch bảo vệ và tăng cường sức khỏe có sự tham gia	2	Lý thuyết 15tiết Thực hành 15tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
42	<i>Tâm lý học tệ nạn xã hội</i>	Học phần này trình bày một cách có hệ thống những tri thức cơ bản nhất về tâm lý học tệ nạn xã hội bao gồm: những vấn đề chung về tệ nạn xã hội, đặc điểm tâm lý của đối tượng tham gia tệ nạn xã hội; nguyên nhân của các tệ nạn xã hội và biện pháp phòng chống tệ nạn xã hội hiện nay.	2	Lý thuyết 15tiết Thực hành 15tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5
43	<i>Thống kê thực hành</i>	1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất; 2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê toán và ứng dụng trong tâm lý học; 3. Trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng phần mềm thống kê giải quyết các bài toán thống kê cơ bản.	3	Lý thuyết: 30 tiết; thực hành: 15 tiết tự học: 90 tiết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
46	<i>Logic học</i>	<p>1. Trình bày được đối tượng và phương pháp nghiên cứu của logic học, phân biệt được đối tượng nghiên cứu của logic học với các ngành khoa học khác.</p> <p>2. Trình bày được mối quan hệ giữa logic học với các ngành khoa học khác, vai trò của logic học đối với sự phát triển tư duy logic của nhân loại và trong đời sống thực tiễn xã hội.</p> <p>3. Trình bày được các quy luật cơ bản trong quá trình nhận thức của tư duy. Giải quyết được những bài toán logic để tìm ra trị số logic từ việc công thức hóa các suy luận và phán đoán logic.</p> <p>4. Trình bày được vị trí, vai trò và bản chất những hình thức cơ bản của tư duy trong quá trình nhận thức. Phân biệt được các hình thức cơ bản của phán đoán và suy luận logic, sử dụng được các phép toán logic, tìm được trị số logic trong các hình thức vận động của tư duy</p> <p>5. Trình bày được mối quan hệ giữa khái niệm, phán đoán, suy luận và vai trò của những hình thức trên đối với quá trình tư duy logic.</p> <p>6. Xây dựng được những phán đoán logic từ những mệnh đề cho trước.</p> <p>7. Phát hiện được những lỗi logic trong các phán đoán và suy luận logic.</p> <p>8. Dựa vào những quy luật của tư duy logic có thể thiết kế được những mô hình tư duy để áp</p>	2	30 tiết/15 tuần	<p>Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>dụng vào thực tế cuộc sống.</p> <p>9. Công thức hóa được những hiện tượng trong cuộc sống, xác định trị số của từng phán đoán để có hành động phù hợp</p> <p>10. Hình thành thói quen tư duy logic trong nhận thức</p> <p>11. Có thái độ khách quan, khoa học trong đánh giá các sự vật, hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy</p>			
47	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>	<p>Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam. Môn học gồm 3 chương: (1) Văn hóa học và văn hóa Việt Nam; (2) Các thành tố văn hóa Việt Nam; (3) Các sắc thái văn hóa địa phương và tộc người.</p>	2	30 tiết/15 tuần	<p>Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	<i>Công tác xã hội với gia đình</i>	Học phần giới thiệu bản chất của hôn nhân và gia đình, những đặc điểm trong hôn nhân và gia đình người Việt Nam; các giai đoạn phát triển của gia đình, các vấn đề thường gặp trong các gia đình người Việt; Các lý thuyết tiếp cận, tiến trình trợ giúp gia đình.	3	Lý thuyết 30tiết Thực hành 15tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5
49	<i>Công tác xã hội với phụ nữ</i>	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về các khái niệm, định nghĩa về phụ nữ, phụ nữ yếu thế; cách phân loại các nhóm phụ nữ yếu thế; tìm hiểu chất lượng sống của nhóm phụ nữ yếu thế. Học phần giới thiệu tiến trình can thiệp, các kỹ năng làm việc trong công tác xã hội với các nhóm phụ nữ yếu thế.	2	Lý thuyết 15tiết Thực hành 15tiết	- Chuyên cần: + Trọng số: 0,2 - Kiểm tra giữa học kỳ: + Trọng số: 0.3 - Tiểu luận kết thúc môn: + Trọng số: 0.5
50	<i>Truyền thông trong công tác xã hội</i>	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về 2 mặt: - Thứ nhất, các nội dung liên quan đến hoạt động truyền thông như khái niệm; các hình thức và các phương tiện truyền thông; Tính chất và xu hướng hoạt động của truyền thông đại chúng; Phương pháp hoạt động trong truyền thông. - Thứ hai, các nội dung liên quan đến thực hiện hoạt động truyền thông trong CTXH như tổ chức truyền thông, tuyên truyền về các hoạt động của CTXH trong cộng đồng; xây dựng các	3	Lý thuyết 30tiết Thực hành 15tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: tự luận, bài tập +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: Tự luận +Trọng số: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chương trình, chiến lược liên quan đến việc phát triển hoạt động CTXH trong cộng đồng. Sau khi học sinh viên có thể vận dụng vào tham gia, tổ chức, tiến hành các hoạt động về truyền thông nhằm mục đích phát triển CTXH trong cộng đồng.			
51	<i>Công tác xã hội với người nghèo</i>	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực nghèo đói: Khái niệm, thực trạng, đặc điểm tâm lý và nhu cầu của người nghèo cũng như các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về nghèo đói. sinh viên thực hiện được các kỹ năng trong việc hỗ trợ tìm kiếm nguồn lực giúp người nghèo vươn lên hòa nhập cộng đồng.	3	Lý thuyết 30tiết Thực hành 15tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5
52	<i>Công tác xã hội với dân tộc thiểu số</i>	Cung cấp cho người học kiến thức chung và cơ bản về CTXH với nhóm DTTS. Trang bị cho người học các nội dung, phương pháp, kỹ năng và các kiến thức về CTXH trong việc xác định các chương trình, mục tiêu hoạt động trong thực tiễn	2	lý thuyết 20 tiết thực hành 10 tiết	Chuyên cần: +Trọng số: 0,2 -Kiểm tra giữa học kỳ: +Trọng số: 0.3 - Thi hết môn: +Trọng số: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
53	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	<p>1. Người học vận dụng kiến thức về CTXH vào quá trình trợ giúp cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng.</p> <p>2. Người học trình bày nội dung nghiên cứu đúng hình thức quy định của khoá luận tốt nghiệp.</p> <p>3. Người học lập luận, giải thích kết quả nghiên cứu logic, khoa học</p> <p>4. Người học tuân thủ đạo đức, trách nhiệm trong quá trình nghiên cứu</p> <p>5. Người học có kỹ năng trình bày, khái quát hoá kiến thức</p>	6	<p>- Thực hành/Thí nghiệm: 105 tiết;</p> <p>- Tự học: 210 tiết</p>	Đánh giá báo cáo khóa luận

4. Thạc sĩ Tâm lý học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Triết học	Học phần có mục đích trang bị cho học viên những kiến thức cơ sở của triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng, về các vấn đề triết học của lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin. Những vấn đề ở học phần này được nghiên cứu một cách nâng cao và sâu sắc so với chương trình đại học và chương trình triết học không chuyên về lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin.	4	HK1	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>
2	Thiết kế và tổ chức nghiên cứu trong Tâm lý học	Học phần “Thiết kế và tổ chức nghiên cứu trong Tâm lý học” giới thiệu cho học viên quá trình triển khai một cách khoa học một đề tài nghiên cứu, đồng thời cập nhật những tri thức về phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu cụ thể trong Tâm lý học: phương pháp luận nghiên cứu, kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu, kỹ năng thiết kế công cụ nghiên cứu, kỹ năng chọn mẫu khách thể nghiên cứu, kỹ năng tổ chức nghiên	4	HK1	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>

		cứu, kĩ năng xử lí và phân tích số liệu nghiên cứu, kĩ năng xây dựng một báo cáo khoa học về kết quả nghiên cứu tâm lí học			
3	Tâm lý học trường học	Nắm được nhiệm vụ, chức năng của nhà tâm lý học đường, các công việc và quan hệ của nhà tâm lý học đường với các chủ thể có liên quan, các năng lực và phẩm chất cần thiết của nhà tâm lý học đường. Xác lập được mối quan hệ với các đối tượng có liên quan trong nhà trường. Có khả năng xác định các công việc cụ thể của nhà tâm lý học đường trong môi trường cụ thể. Nhiệt tình với công việc, thiện chí trong việc giúp đỡ học sinh, có ý thức học hỏi để nâng cao năng lực nghề	4	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
4	Các phương pháp đánh giá trí tuệ và nhân cách trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên sử dụng thành thạo những phương pháp và công cụ đánh giá trí tuệ và nhân cách trẻ em - Học viên có kỹ năng xử lý dữ liệu, đưa ra những nhận xét và kết luận khoa học cũng như các ý kiến đề xuất từ kết quả. - Hình thành những phẩm chất tâm lý cần thiết của nhà khoa học như tính trung thực, tính khách quan khoa học. 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
5	Tâm lý học nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được khái niệm nhóm, phân loại nhóm, cấu trúc nhóm, các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm; So sánh sự khác nhau giữa các lý thuyết về nhóm; Phân tích những đặc điểm tâm lý nhóm; Nắm được các nguyên tắc và phương pháp tham vấn can thiệp nhóm - Biết cách hình thành, tổ chức nhóm; Nhận biết các hiện tượng tâm lý trong nhóm; Thực hành tham vấn 	3 (2/1)	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		và can thiệp nhóm - Có đạo đức nghề nghiệp; Hành động và phản biện dựa trên bằng chứng xác thực			
6	Tâm lý học khác biệt	- Học viên có kiến thức về sự khác biệt tâm lý cá nhân, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học khác biệt; Phân tích được những khác biệt cá nhân về hoạt động nhận thức, tình cảm, xúc cảm, ý chí, ngôn ngữ và ý thức, về một số đặc trưng nhân cách. - Học viên có kỹ năng so sánh, tìm kiếm sự khác biệt tâm lý của bản thân hay của cộng đồng xã hội xung quanh. Nhận biết và phát triển những điểm khác biệt của bản thân và học sinh. - Hình thành những phẩm chất tâm lý cần thiết của nhà khoa học như tính trung thực, tính khách quan khoa học. Tôn trọng những khác biệt tâm lý cá nhân	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
7	Tâm bệnh học trẻ em	- Phát biểu được các khái niệm cơ bản, phân loại, đặc điểm lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán và nguyên tắc điều trị các rối loạn tâm thần; Phân tích được cơ chế, nguyên nhân bệnh sinh; Trình bày và chứng minh được Danh sách các tiêu chí về triệu chứng để chẩn đoán các rối loạn tâm thần; Phân biệt điểm khác biệt giữa các rối loạn tâm thần dựa trên các tiêu chí về triệu chứng. - Kỹ năng chuyển dịch; Chẩn đoán phân biệt các rối loạn; Kỹ năng tự đánh giá, phản tỉnh; Kỹ năng tự học nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cá nhân - Có đạo đức nghề nghiệp, không gây hại, từ tâm, tích cực và chủ động; Hành động và phản biện dựa trên bằng chứng xác thực	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
8	Các lý thuyết học tập và phát triển tâm lý trẻ em	- Người học phân tích được bản chất của các lý thuyết và có thể vận dụng vào phân tích các hiện tượng tâm lý của con người. - Người học chỉ ra được cơ sở tâm lý trong việc thiết kế công cụ đo cũng như nhìn nhận người học trong sự phát triển, đánh giá trong sự phát	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		<p>triển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người học biết được cách nghiên cứu về tâm lý con người. - Người học vận dụng các lý thuyết về học tập trong hoạt động nghiên cứu và giảng dạy. 			
9	Tâm lý học thần kinh	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên có kiến thức về tâm lý học thần kinh, tổ chức và chức năng của não.; Phân tích được chức năng của hệ thống định khu não; Phân tích được cấu trúc tâm lý và rối loạn một số hiện tượng tâm lý nhận thức - Học viên có kỹ năng nhận dạng các rối loạn tâm lý nhận thức - Hình thành những phẩm chất tâm lý cần thiết của nhà khoa học như tính trung thực, tính khách quan khoa học. 	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
10	Sinh lý lứa tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được cấu tạo và trình bày được đặc điểm sinh lý lứa tuổi của hệ thần kinh và hoạt động thần kinh cấp cao, hoạt động của các cơ quan phân tích, các tuyến nội tiết, hệ vận động, hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, bài tiết và trao đổi chất - Vận dụng được những kiến thức về Sinh lý học lứa tuổi vào việc tìm hiểu và ứng dụng các đặc điểm tâm lý của trẻ, vào việc tổ chức dạy học, vào phương pháp giáo dục và lịch hoạt động cho phù hợp với các đặc điểm sinh lý của lứa tuổi tiểu học, giúp trẻ giữ vệ sinh và rèn luyện cơ thể. - Tôn trọng môn học này, coi nó là cơ sở để học các môn khác, trước hết là tâm lý học và giáo dục học. Có tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển của trẻ, có thái độ khuyến khích, tạo điều kiện cho sự tăng trưởng và phát triển của trẻ phù hợp với đặc điểm sinh lý- cơ thể của học sinh tiểu học. 	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
11	Tâm lý học lâm sàng	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những vấn đề chung của tâm lý học lâm sàng; Phương pháp luận trong việc thực hành đánh giá tâm lý lâm sàng; Phương pháp luận và các công cụ nghiên cứu trong nghiên cứu tâm lý lâm sàng; các phương pháp luận đánh giá kết quả trị liệu. 	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng sử dụng các công cụ nghiên cứu trong nghiên cứu tâm lý lâm sàng - Có kỹ năng sử dụng các liệu pháp trị liệu tâm lý và đánh giá kết quả trị liệu; - Có tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển của trẻ, có đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng trẻ. 			
12	Kỹ năng xử lý dữ liệu nghiên cứu; Cấu trúc báo cáo nghiên cứu khoa học và cách trình bày công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học và các diễn đàn khoa học.	<ul style="list-style-type: none"> -Trình bày được những kỹ thuật xử lý dữ liệu nghiên cứu; Cấu trúc báo cáo nghiên cứu khoa học và cách trình bày công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học và các diễn đàn khoa học. -Có kỹ năng xử lý thông tin nghiên cứu bằng phần mềm SPSS, đọc, phân tích và giải thích các số liệu nhằm nâng cao giá trị khoa học của các số liệu nghiên cứu; Có kỹ năng trình bày và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học và các diễn đàn khoa học. -Có thái độ nghiêm túc, trung thực trong nghiên cứu. 	4	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
13	Đạo đức nghề tâm lý	<ul style="list-style-type: none"> -Chỉ ra được các vấn đề cơ bản của đạo đức nghề tâm lý như mối quan hệ giữa đạo đức nghề nghiệp với pháp luật, các tiêu chuẩn nghề nghiệp. -Xác định được những trách nhiệm mà người hành nghề tâm lý cần có đối với nghề nghiệp để ứng xử một cách chuyên nghiệp. - Vận dụng các kiến thức được học trong học phần vào thực tế công việc của người hành nghề tâm lý. - Tôn trọng và chấp hành những tiêu chuẩn đạo đức của nghề tâm lý. 	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
14	Tâm lý học trẻ em và thanh thiếu niên	<ul style="list-style-type: none"> -Nắm được sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi từ trẻ em lứa tuổi mầm non đến tuổi thanh niên; Hiểu được những điều kiện của sự phát triển tâm lý trẻ em và thanh thiếu niên; Phân tích được các đặc điểm tâm lý của từng độ tuổi: mầm non, nhi đồng, thiếu niên và thanh niên -Vận dụng được những kiến thức về Tâm lý học trẻ em và thanh thiếu niên vào việc tìm hiểu và ứng dụng 	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		<p>các đặc điểm tâm lý của trẻ, vào việc tổ chức dạy học, vào phương pháp giáo dục và lịch hoạt động cho phù hợp với các đặc điểm tâm lý của từng độ tuổi.</p> <p>- Có tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển của trẻ em và thanh thiếu niên, có thái độ khuyến khích, tạo điều kiện cho sự phát triển của trẻ. Có đạo đức nghề nghiệp; Hành động và phản biện dựa trên bằng chứng xác thực</p>			
15	<p>Can thiệp sức khỏe tâm thần học đường</p>	<p>- Hiểu được ý nghĩa và vai trò của hỗ trợ, chăm sóc SKTT trong trường học, lịch sử của chương trình chăm sóc SKTT dựa vào trường học; Phân biệt rõ sự khác nhau về vai trò của chuyên viên tâm lý lâm sàng trong trường học và chuyên viên tâm lý lâm sàng ở bệnh viện và phòng khám; Hiểu được nội hàm các vấn đề tâm lý trong trường học; Hiểu được các mô hình can thiệp SKTT dựa vào trường học; Phân tích được quy trình và các cấu phần cơ bản trong chương trình can thiệp SKTT ở nhà trường.</p> <p>- Xây dựng được mô hình chăm sóc sức khỏe tâm thần trong trường học; Tư vấn, hỗ trợ trường học trong xây dựng chương trình giáo dục toàn diện và phòng ngừa các vấn đề sức khỏe tâm thần; Tư vấn giáo viên về cách thức hỗ trợ học sinh và quản lý lớp học; Trị liệu cá nhân cho học sinh; Xây dựng được nội dung các buổi can thiệp cụ thể và cách thức điều chỉnh giải quyết khó khăn phát sinh trong các phiên trị liệu; Trị liệu nhóm học sinh; Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn tâm lý giáo dục cho cha mẹ, lôi kéo sự tham gia của cha mẹ vào các nội dung can thiệp; Thực hiện được các phiên trị liệu; Xây dựng được nội dung các buổi can thiệp cụ thể và cách thức điều chỉnh giải quyết khó khăn phát sinh trong các phiên trị liệu; Kỹ năng chuyên dịch; Kỹ năng tư duy;</p> <p>- Có đạo đức nghề nghiệp; Hành động và phản biện dựa trên bằng</p>	3	HK3	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>

		chứng xác thực			
16	Quản lý hoạt động hỗ trợ tâm lý trong hệ thống giáo dục	- Trình bày được hệ thống mạng lưới quản lý và giám sát hoạt động hỗ trợ tâm lý trong hệ thống giáo dục các nước trên thế giới; Đánh giá và phân tích được vấn đề thực trạng quản lý, giám sát hoạt động hỗ trợ tâm lý ở Việt Nam; Nêu và làm sáng tỏ được chức năng nhiệm vụ quản lý hoạt động hỗ trợ tâm lý của các cơ sở giáo dục và đào tạo, đặc trưng quản lý tại các bậc học khác nhau. - Xây dựng được mô hình quản lý, giám sát hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học; Xây dựng được các thang đánh giá nhằm quản lý, giám sát; Tư vấn, hỗ trợ quản lý và giám sát hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường; Kỹ năng tư duy hệ thống; Kỹ năng phản biện - Chủ động, tích cực, sáng tạo và nghiêm túc, khoa học	2	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
17	Các phương pháp giáo dục trẻ em	- Trình bày được sự phát triển tâm sinh lý, sự phát triển trí tuệ của trẻ em; Phân tích được hệ thống các phương pháp giáo dục trẻ em; Dẫn dắt được các cơ sở khoa học của các phương pháp giáo dục trẻ em; Chứng minh được các nguyên tắc sử dụng các phương pháp giáo dục trẻ em; Đánh giá và tư vấn được yêu cầu và quy trình sử dụng các phương pháp giáo dục trẻ em. - Nhận diện được các phương pháp giáo dục trẻ em trong thực tiễn giáo dục trẻ em; Thiết lập được các câu hỏi, bài tập, tình huống, nhiệm vụ... kỹ năng tổ chức trò chơi để trẻ khám phá, tương tác, trải nghiệm nhằm kích thích sự phát triển toàn diện ở trẻ; Sử dụng và hướng dẫn được các phương pháp trong giáo dục trẻ em - Có thái độ đúng trong việc lựa chọn và vận dụng các phương pháp trong giáo dục trẻ em; Có hành động tích cực trong việc sử dụng các phương pháp trong giáo dục trẻ em	3	HK4	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
18	Đánh giá môi trường phát triển	- Nắm được những vấn đề chung về đánh giá, đánh giá môi trường phát triển của trẻ em; Các phương pháp và kỹ thuật đánh giá môi trường phát	2	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn

	của trẻ em	<p>triển của trẻ em.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đánh giá môi trường phát triển của trẻ em bao gồm môi trường gia đình, môi trường nhà trường và môi trường xã hội ở 02 khía cạnh tinh thần và vật chất. -Nhiệt tình với công việc, trung thực, khách quan trong công việc, có ý thức học hỏi để nâng cao năng lực nghề 			<p>((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>
19	Quản lý hành vi của trẻ khuyết tật trí tuệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được những vấn đề chung về quản lý hành vi của trẻ khuyết tật trí tuệ (khái niệm, nguyên tắc quản lý hành vi, hành vi bất thường ở trẻ khuyết tật trí tuệ). - Đánh giá và lập kế hoạch can thiệp hành vi của trẻ khuyết tật trí tuệ; Vận dụng các biện pháp quản lý hành vi (phá rối, không phục tùng, bốc đồng, thiếu chú ý, tăng động, hành vi hung hãn, bùng nổ,...) của trẻ khuyết tật trí tuệ trong thực tiễn ở nhà trường. - Nhiệt tình với công việc, tận tâm trong việc quản lý học sinh, có ý thức học hỏi để nâng cao năng lực nghề. 	2	HK3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
20	Công tác với cha mẹ học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được lí do vì sao nhà trường, GVCN cần kết hợp với CMHS trong công tác giáo dục; Giải thích những nội dung cơ bản của công tác kết hợp với CMHS; Xác định những yêu cầu về tổ chức họp CMHS của lớp; Xác định những yêu cầu về sự liên lạc giữa GVCN và CMHS - Thực hành các bước xây dựng kế hoạch tổ chức họp Chi Hội CMHS của lớp - Tin tưởng vào lợi ích của sự phối hợp với CMHS; Sẵn sàng thu hút CMHS vào các hoạt động của lớp và nhà trường 	2	HK3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
21	Giáo dục giá trị	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên có kiến thức chuyên sâu về giá trị, định hướng giá trị; có hiểu biết về đặc trưng và xu thế định hướng giá trị của con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; nắm vững lý luận về quá trình giáo dục giá trị. - Học viên hình thành được khả 	3	HK3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		năng phát hiện, giải thích, lập luận các vấn đề về giá trị và giáo dục giá trị; có kỹ năng vận dụng nội dung và phương pháp giáo dục giá trị vào công tác tham vấn học đường. - Học viên có thái độ tích cực trong giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị tốt đẹp của dân tộc và nhân loại.			
22	Công tác xã hội trong trường học	- Học viên phát biểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong trường học như: sự hình thành, khái niệm, đối tượng, mục đích, nhiệm vụ của công tác xã hội trong trường học; vai trò của CTXH trong trường học; các phương pháp can thiệp CTXH trong trường học; vận dụng được lý thuyết và kỹ năng để giải quyết tình huống cụ thể. - Học viên phát triển kỹ năng nhận diện đánh giá vấn đề, đề xuất được các biện pháp phối hợp với nhà trường và các tổ chức xã hội để thực hiện phòng ngừa và can thiệp trợ giúp các đối tượng trong trường học. - Học viên nhận thức được vai trò của nhân viên CTXH trong trường học, từ đó có thái độ ứng xử phù hợp khi thực hiện can thiệp CTXH trong trường học.	3	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
23	Tham vấn học đường	Học viên phát biểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về thực hành về tham vấn tâm lý, trong đó chú ý đến các khái niệm, các nền tảng lý thuyết tiếp cận thực hành tham vấn, mối quan hệ giữa nhà tham vấn và thân chủ, các kỹ năng tham vấn cơ bản và quy trình thực hiện các bước trong một quá trình tham vấn. Học viên phát biểu được những vấn đề cần có tham vấn trong trường học. Ví dụ như những vấn đề học sinh cần tham vấn tâm lý (vấn đề học tập/ các mối quan hệ/ những vấn đề phát triển cá nhân của học sinh); những vấn đề của phụ huynh; của giáo viên... Thông qua những kiến thức cơ bản này, học viên có thể thực hành các bài tập trải nghiệm quá trình tham vấn tâm lý học đường thông qua việc luyện một số bài tập	3	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		<p>về kỹ năng tham vấn cơ bản nhất.</p> <p>-Học viên vận dụng được các kỹ năng đã học vào thực hành các tình huống tham vấn cụ thể, như: kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng lắng nghe; kỹ năng phản hồi; kỹ năng diễn giải.... Học viên có thể nhận diện được những vấn đề cần có tham vấn trong trường học liên quan đến học sinh; phụ huynh; giáo viên và các cán bộ trong trường học...</p> <p>-Học viên có thái độ đúng đắn trong việc nhìn nhận hoạt động tham vấn tâm lý học đường, ý thức được vai trò của nhà tham vấn và nghiêm túc trong quá trình thực hiện các kỹ năng tham vấn trong trường học.</p>			
24	Xây dựng chương trình phòng ngừa và phát triển toàn diện nhân cách học sinh	<p>Học viên phát biểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về chương trình phòng ngừa rối nhiễu tâm lý và phát triển toàn diện nhân cách học sinh (khái niệm, lịch sử nghiên cứu, vai trò, các nguyên tắc, các công cụ và phương tiện phục vụ xây dựng chương trình phòng ngừa); đánh giá được các rối nhiễu tâm lý học đường; phân tích được các quy trình, đồng thời xây dựng được các nội dung phòng ngừa và phát triển nhân cách học sinh</p> <p>- Học viên có khả năng đánh giá sàng lọc các vấn đề tâm lý học đường; xây dựng được các chương trình phòng ngừa và phát triển tâm lý học đường, từ đó có thể tổ chức thực hiện được chương trình phòng ngừa vào thực tiễn trường học.</p> <p>-Học viên có thái độ đúng đắn trong việc nhìn nhận hoạt động phòng ngừa và phát triển nhân cách học sinh, ý thức được vai trò của nhà tâm lý và nghiêm túc trong quá trình thực hiện các quy trình sàng lọc và phòng ngừa.</p>	4	HK2	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>
24	Quản lý hoạt động hỗ trợ tâm lý trong hệ thống giáo dục	<p>- Trình bày được hệ thống mạng lưới quản lý và giám sát hoạt động hỗ trợ tâm lý trong hệ thống giáo dục các nước trên thế giới; Đánh giá và phân tích được vấn đề thực trạng quản lý, giám sát hoạt động hỗ trợ tâm lý ở Việt Nam; Nêu và làm sáng</p>	2	HK2	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>

		<p>tổ được chức năng nhiệm vụ quản lý hoạt động hỗ trợ tâm lý của các cơ sở giáo dục và đào tạo, đặc trưng quản lý tại các bậc học khác nhau.</p> <p>- Xây dựng được mô hình quản lý, giám sát hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học; Xây dựng được các thang đánh giá nhằm quản lý, giám sát; Tư vấn, hỗ trợ quản lý và giám sát hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường; Kỹ năng tư duy hệ thống; Kỹ năng phản biện</p> <p>- Chủ động, tích cực, sáng tạo và nghiêm túc, khoa học</p>			
25	<p>Giáo dục năng lực xúc cảm – xã hội cho học sinh</p>	<p>- Trình bày và phân tích được những vấn đề chung về xúc cảm, năng lực xúc cảm – xã hội của học sinh</p> <p>- <i>Xây dựng và thực hiện chương trình rèn luyện một số kỹ năng xúc cảm – xã hội cho học sinh.</i></p> <p>- Nhiệt tình với công việc, yêu thương và tận tâm với trẻ, có ý thức học hỏi để nâng cao năng lực nghề.</p>	2	HK3	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>
26	<p>Tâm lý học trị liệu ứng dụng</p>	<p>- Trình bày được các lý thuyết nền tảng trong trị liệu của Phân tâm, hành vi, nhận thức hành vi, nhân văn và chánh niệm; Trình bày được các kỹ thuật trị liệu theo hướng phân tâm, hành vi, nhận thức hành vi, nhân văn và chánh niệm; Đánh giá được ưu nhược điểm của từng liệu pháp trị liệu; Vận dụng được kỹ thuật trị liệu trong từng trường hợp tâm bệnh cụ thể</p> <p>- Nhận ra được tầm quan trọng của đạo đức nghề trong trị liệu tâm lý</p>	3	HK3	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>
27	<p>Can thiệp sức khỏe tâm thần học đường</p>	<p>- Hiểu được ý nghĩa và vai trò của hỗ trợ, chăm sóc SKTT trong trường học, lịch sử của chương trình chăm sóc SKTT dựa vào trường học; Phân biệt rõ sự khác nhau về vai trò của chuyên viên tâm lý lâm sàng trong trường học và chuyên viên tâm lý lâm sàng ở bệnh viện và phòng khám; Hiểu được nội hàm các vấn đề tâm lý trong trường học; Hiểu được các mô hình can thiệp SKTT dựa vào trường học; Phân tích được quy trình và các cấu phần cơ bản trong chương trình can thiệp SKTT ở nhà trường.</p>	3	HK3	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>

		- Xây dựng được mô hình chăm sóc sức khỏe tâm thần trong trường học; Tư vấn, hỗ trợ trường học trong xây dựng chương trình giáo dục toàn diện và phòng ngừa các vấn đề sức khỏe tâm thần; Tư vấn giáo viên về cách thức hỗ trợ học sinh và quản lý lớp học; Trị liệu cá nhân cho học sinh; Xây dựng được nội dung các buổi can thiệp cụ thể và cách thức điều chỉnh giải quyết khó khăn phát sinh trong các phiên trị liệu; Trị liệu nhóm học sinh; Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn tâm lý giáo dục cho cha mẹ, lôi kéo sự tham gia của cha mẹ vào các nội dung can thiệp; Thực hiện được các phiên trị liệu; Xây dựng được nội dung các buổi can thiệp cụ thể và cách thức điều chỉnh giải quyết khó khăn phát sinh trong các phiên trị liệu; Kỹ năng chuyển dịch; Kỹ năng tư duy -Có đạo đức nghề nghiệp; Hành động và phản biện dựa trên bằng chứng xác thực			
	Luận văn tốt nghiệp		15	HK4	Hội đồng chấm

5. Thạc sĩ Quản lý giáo dục

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
HỌC PHẦN CHUNG CHO HAI ĐỊNH HƯỚNG					
1	Triết học	Học phần có mục đích trang bị cho học viên những kiến thức cơ sở của triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng, về các vấn đề triết học của lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin. Những vấn đề ở học phần này được nghiên cứu một cách nâng cao và sâu sắc so với chương trình đại học và chương trình triết học không chuyên về lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin.	4	HK1	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
2	Lịch sử các tư tưởng giáo dục	Hình thành và phát triển ở người học hệ thống tri thức khoa học về tư tưởng giáo	2 (2/0)	HK1	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1

		<p>đục trong các giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại, đặc biệt là trong quá trình phát triển của các nền văn minh thế giới. Phát triển kỹ năng nhìn nhận và phân tích, giải quyết các vấn đề về lý luận và thực tiễn giáo dục dựa trên các tư tưởng giáo dục tiên bộ và hiện đại trong đó có tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh với tinh thần khách quan và khoa học.</p> <p>- Hiểu được lịch sử phát triển của giáo dục thế giới và Việt Nam. Lịch sử phát triển và các đặc trưng của của các tư tưởng giáo dục Phương Đông truyền thống (Nho giáo, Phật giáo). Trình bày và phân tích được quá trình phát triển các tư tưởng giáo dục trong quá trình phát triển của nền Văn minh Phương Tây qua một số tác giả tiêu biểu trong các thời kỳ.</p> <p>- Phân tích được nguồn gốc hình thành và phát triển tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh. Tính độc đáo và giá trị của tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh.</p> <p>- Nêu và phân tích được một số tư tưởng phát triển giáo dục hiện đại (4 trụ cột của nền Giáo dục thế kỷ 21; Các mối quan hệ cơ bản trong phát triển giáo dục; giáo dục trong nền kinh tế tri thức và nhà trường tương lai). Liên hệ với thực tiễn giáo dục Việt Nam hiện nay trong quá trình đổi mới và phát triển hội nhập quốc tế.</p>			<p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>
3	Lý luận quản lý và quản lý giáo dục	Sau khi học xong người học có hiểu biết lý luận về những vấn đề cốt lõi của khoa học quản lý,	4 (3/1)	HK1	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1</p> <p>- Bài thi giữa môn</p>

		quản lý giáo dục, quản lý quá trình giáo dục, dạy học; có cơ sở lý luận và thực tiễn để phân tích, đánh giá và thực hiện công tác quản lý quá trình dạy học và giáo dục, tạo tiền đề phát triển và nâng cao trình độ quản lý của bản thân cũng như nâng cao năng lực sư phạm của tập thể sư phạm nhà trường.			((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
4	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	Môn học trên cơ sở giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của quản lý nhân sự trong giáo dục hình thành ở người học khái niệm tổng quát về quản lý nhân sự trong giáo dục, về các khâu cơ bản của quản lý nhân sự trong giáo dục, tạo cơ sở cho việc hình thành thái độ đúng đắn đối với hoạt động quản lý nhân sự trong giáo dục và hình thành các kỹ năng cơ bản của người quản lý trong lĩnh vực này.	2 (2/0)	HK1	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
5	Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục	Về kiến thức cơ bản, môn học yêu cầu người học nắm được lý luận về quản lý hành vi của con người trong tổ chức; nắm được các vấn đề cơ bản của tâm lý học quản lý nhà trường, bản chất tâm lý của công tác quản lý nói chung, quản lý nhà trường nói riêng. Về kỹ năng thực hành, người học hiểu và vận dụng được những hiểu biết về các hiện tượng và qui luật tâm lý của đối tượng quản lý vào đơn vị của mình tùy theo vị thế của mình trong đơn vị đó.	3 (2/1)	HK1	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
6	Phương pháp luận NCKH và phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD	Người học sau khi học xong có khả năng xác định và thực hiện được một nghiên cứu trong lĩnh vực	4 (2/2)	HK1	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn

		quản lý giáo dục, bao gồm việc xác định đề tài nghiên cứu, lựa chọn phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, độc lập tiến hành các bước theo quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu của khoa học thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục.			((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Xu thế phát triển giáo dục Việt Nam	Người học sau khi học xong có được nhận thức rõ ràng về tiến trình vận động của nền giáo dục thế giới và Việt Nam; xu thế phát triển của giáo dục trong bối cảnh phát triển của thế giới trong thế kỷ XXI. Người học cũng có được các kỹ năng phân tích, nhận xét, đánh giá những hiện tượng liên quan đến giáo dục xuất phát từ xu thế chung của sự phát triển của giáo dục. Về thái độ: Học viên có thái độ chủ động áp dụng và hỗ trợ áp dụng các kiến thức học được vào thực tiễn quản lý của bản thân và của các cộng sự; khuyến khích sự thay đổi trong công tác quản lý giáo	2 (2/0)	HK1	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Chiến lược và chính sách phát triển GD-ĐT Việt Nam	Kiến thức: Học viên hiểu và trình bày được đường lối, chính sách phát triển giáo dục của Việt Nam từ sau Cách mạng tháng 8 đến nay; hiểu rõ những khái niệm cơ bản về sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược giáo dục. Kỹ năng: Học viên hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng và đánh giá sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược giáo dục của cơ sở giáo dục - đào tạo nơi học viên đang công tác. Thái độ: Học viên có thái độ chủ động áp dụng và hỗ trợ áp dụng các	2 (2/0)		- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		kiến thức học được vào thực tiễn quản lý của bản thân và của các cộng sự; khuyến khích sự thay đổi trong công tác quản lý giáo dục.			
	Thống kê và đo lường trong giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chọn lọc và lập bảng dữ liệu thống kê từ kết quả của khảo sát (điều tra) xã hội học nói chung và trong giáo dục nói riêng - Nắm vững các phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy diễn áp dụng trong khoa học giáo dục - Giải thích được các số liệu và kết quả xử lý thống kê trong nghiên cứu giáo dục. Thực hiện các phương pháp kiểm định giả thuyết - Liên kết tính toán các chỉ số với việc sử dụng phần mềm thống kê xử lý các số liệu 	2 (1/1)	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Những cơ sở tâm lý-giáo dục học đại học	Người học sau khi học xong nắm được những vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục học và tâm lý học của việc đào tạo ở bậc đại học, có khả năng vận dụng những tri thức này vào việc tổ chức, quản lý và đánh giá quá trình đào tạo trong các trường chuyên nghiệp hay những cơ sở giáo dục đào tạo dành cho lứa tuổi thanh niên sinh viên	2 (2/0)	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Kinh tế học giáo dục	Sau khi học xong người học có được hiểu biết về những vấn đề cơ bản của kinh tế học giáo dục, có kiến thức, kỹ năng đánh giá các hiện tượng giáo dục từ góc độ kinh tế, có khả năng vận dụng kiến thức kinh tế học giáo dục vào thực tế hoạt động quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường, đơn vị.	2 (2/0)	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	Người học sau khi học xong hiểu bản chất sự thay đổi và bản chất quản lý sự thay đổi trong giáo dục, có khả năng xem xét những triển vọng thay đổi khác nhau và xác định hướng thay đổi trong những tình huống xác định; hình thành ở người học kỹ năng tiến hành sự thay đổi trong khung cảnh cụ thể của quản lý nhà trường.	2 (2/0)	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Quản lý chất lượng trong giáo dục	<p>Kiến thức: Học viên hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về chất lượng giáo dục, quản lý chất lượng giáo dục, đảm bảo chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục.</p> <p>Kỹ năng: Học viên hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để quản lý chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục – đào tạo nơi học viên đang công tác.</p> <p>Thái độ: Học viên có thái độ chủ động áp dụng và hỗ trợ áp dụng các kiến thức học được vào thực tiễn quản lý của bản thân và của các cộng sự; khuyến khích sự thay đổi trong công tác quản lý giáo dục.</p>	2 (2/0)	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong QLGD	Người học nắm được khái niệm về hệ thống thông tin và công tác thông tin trong quản lý giáo dục, biết cách ứng dụng những hiểu biết này vào công tác quản lý trường học, biết và có khả năng ứng dụng những phần mềm QLGD phổ biến hiện nay ở Việt Nam.	2 (1/1)	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Xây dựng và quản lý dự án về GD-ĐT	Người học sau khi học xong hiểu được và có khả năng áp dụng các kiến	2 (1/1)	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1

		thức về dự án, đầu tư và quản lý dự án vào lĩnh vực quản lý dự án trong giáo dục; biết và sử dụng được các công cụ quản lý dự án, biểu đồ tổ chức các nhiệm vụ; hiểu rõ những nhân tố then chốt của thành công trong dự án GD&ĐT.			- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Tài chính và quản lý tài chính trong giáo dục	Sau khi học xong người học có nhận thức chung về tài chính trong giáo dục, nhận thức mang tính phân tích về quản lý tài chính giáo dục, hiểu và có khả năng tham gia vào việc xây dựng chính sách tài chính trong giáo dục ở phạm vi, mức độ nhất định, vận dụng hiểu biết vào đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý tài chính ở nhà trường, cơ quan, đơn vị công tác.	2 (2/0)	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường	Người học có kiến thức về văn hóa tổ chức (khái niệm, các thành tố, các loại hình và các tầng khác nhau của văn hóa), hiểu biết về nhà trường có môi trường và truyền thống văn hóa tốt, thành công Biết phân tích, nhận diện những điểm mạnh và điểm yếu trong văn hóa nhà trường; xác định được mối quan hệ giữa văn hóa nhà trường với vai trò của người lãnh đạo Nhận diện được những yêu cầu cần thiết đối với công tác quản lý, xây dựng văn hóa nhà trường trong bối cảnh văn hóa mạng và giao thoa văn hóa Biết gắn kết văn hóa với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường Có khả năng xây dựng và phát triển thành công văn hóa nhà trường.	2 (2/0)	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Đánh giá trong	Người học sau khi	2 (1/1)	HK2	- Điểm chuyên cần,

	giáo dục	học xong hiểu những vấn đề lý luận cơ bản về đo lường, đánh giá; có khả năng vận dụng những hiểu biết này vào lĩnh vực giáo dục; biết sử dụng các công cụ đánh giá cơ bản, đặc biệt là trắc nghiệm khách quan, trong công tác giáo dục và quản lý giáo dục của bản thân.			thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Xã hội học giáo dục	Môn học yêu cầu người học nắm được hệ thống tri thức cơ bản về các chức năng xã hội của giáo dục, những vấn đề xã hội học trong việc xây dựng, vận hành, phát triển hệ thống giáo dục quốc dân, trong việc tổ chức hoạt động dạy học, từ đó người học xác định được những điều kiện xã hội đối với hiệu quả giáo dục.	2 (2/0)		- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Quản lý cơ sở vật chất và các phương tiện kỹ thuật dạy học trong nhà trường	Kiến thức: Học viên hiểu và phân tích được những vấn đề lý luận liên quan đến việc quản lý cơ sở vật chất và các phương tiện kỹ thuật trong dạy học: phân loại, khả năng ứng dụng, các tình huống sử dụng và quản lý. Kỹ năng: Học viên hiểu và vận dụng những kiến thức đã học vào công tác tổ chức, quản lý những vấn đề có liên quan đến cơ sở vật chất và các phương tiện kỹ thuật trong dạy học ở cơ sở giáo dục – đào tạo nơi học viên đang công tác. Thái độ: Học viên có thái độ chủ động áp dụng và hỗ trợ áp dụng các kiến thức học được vào thực tiễn quản lý của bản thân và của các cộng sự; khuyến khích sự thay đổi trong công tác quản lý giáo dục.	2 (1/1)	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

	Leadership (Tiếng Anh chuyên ngành)	After this course, the learners have the skills for understanding and leading individuals and groups in attaining both personal and organizational objectives. The learners could understand basic concepts of motivation, control change, team building, and could use these knowledges to develop effective relationships in diverse work environments. Proactive leadership devices such as organizational development, decision making, and influence techniques are also presented.	2 (2/0)	HK3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Phát triển nhân cách nhà QLGD (PDP)	<p>Nhận diện được đặc điểm nhân cách người cán bộ QLGD với những yêu cầu về phẩm chất, năng lực</p> <p>Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn, thời cơ và thách thức cũng như các yếu tố tác động hình thành và phát triển nhân cách người CBQLGD</p> <p>Phân tích được các con đường hình thành nhân cách người CBQL, trên cơ sở đó định hướng các hoạt động hình thành và phát triển nhân cách người CBQLGD</p> <p>Hiểu được bản thân, công việc, các mối quan hệ và các mục tiêu phát triển bản thân cũng như công tác quản lý</p> <p>Hình thành thái độ tích cực trong công tác quản lý</p> <p>Hình thành một số các kỹ năng cơ bản của người CBQLGD</p>	2 (1/1)	HK3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
HỌC PHẦN CHO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU					
	Quản lý tổ chức	Kiến thức: Học viên	3 (2/1)	HK3	- Điểm chuyên cần,

		<p>hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức và khoa học tổ chức, tổ chức giáo dục.</p> <p>Kỹ năng: Học viên hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để quản lý một tổ chức giáo dục cụ thể, biết sử dụng các công cụ chẩn đoán và quản lý tổ chức trong công tác quản lý của bản thân.</p> <p>Thái độ: Học viên có thái độ chủ động áp dụng và hỗ trợ áp dụng các kiến thức học được vào thực tiễn quản lý của bản thân và của các cộng sự; khuyến khích sự thay đổi trong công tác quản lý giáo dục.</p>		<p>thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>	
	Giáo dục học so sánh	<p>Sau khi học xong học viên có kiến thức cơ bản về lý luận giáo dục so sánh; hình thành được một số kỹ năng ban đầu của kỹ thuật so sánh về giáo dục; có khả năng ứng dụng vào so sánh một số nền giáo dục theo một bình diện nhất định. Đồng thời, người học có thể vận dụng có chọn lọc các qui luật và đặc thù của quá trình xây dựng, phát triển giáo dục của một số nước vào thực tiễn quản lý giáo dục Việt Nam. Cụ thể, người học sau khi học xong có thể:</p> <p>Hiểu được cơ sở lý luận và thực tiễn của giáo dục học so sánh – một môn học thuộc ngành giáo dục học, nhằm bổ sung kiến thức giáo dục học.</p> <p>Hiểu được các nguyên tắc, kỹ thuật cơ bản khi nghiên cứu so sánh giáo dục trong lĩnh vực khoa học giáo dục nói chung và quản lý giáo</p>	3 (2/1)	HK3	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>

		<p>dục nói riêng.</p> <p>Có thể xác định đề tài thuộc lĩnh vực giáo dục so sánh, cũng như các bước tiến hành khi nghiên cứu đề tài về so sánh giáo dục.</p> <p>Thực hiện được các bước trong so sánh giáo dục. Thông qua việc so sánh giáo dục để phát triển năng lực tư duy, năng lực phán đoán, năng lực tổ chức... của học viên.</p> <p>Vận dụng được kinh nghiệm qua so sánh giáo dục vào thực tiễn công tác quản lý giáo dục.</p>			
	Luận văn tốt nghiệp		15	HK4	Hội đồng chấm
HỌC PHẦN CHO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG					
	Thực tế QLGD	Học viên vận dụng những kiến thức lý luận đã học vào thực hiện một báo cáo khảo sát thực trạng quản lý một lĩnh vực, một hoạt động trong nhà trường hay cơ sở GD&ĐT, hoặc viết đề án phát triển giáo dục tại một cơ sở GD-ĐT cụ thể nhằm củng cố các kiến thức lý luận, hình thành các kỹ năng quản lý, phát triển các năng lực đa dạng của nhà quản lý giáo dục nói chung.	2 (0/2)	HK3	
	Luận văn tốt nghiệp		10	HK4	Hội đồng chấm

6. Thạc sĩ Giáo dục học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Học phần có mục đích trang bị cho học viên những kiến thức cơ sở của triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng, về các vấn đề triết học của lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin. Những vấn đề ở học phần này được nghiên cứu một cách nâng cao và sâu sắc so với chương trình đại học và chương trình triết học không chuyên về lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin.	4	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

2	Cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục	<p>Người học có hệ thống tri thức về cơ sở tâm lý học của các hoạt động giáo dục trong nhà trường, từ đó có cái nhìn toàn diện và sâu sắc của toàn bộ quá trình hoạt động giáo dục trong nhà trường dưới góc độ tâm lý học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người học có khả năng nhận diện và đánh giá được đặc điểm tâm lý cá nhân từ đó xây dựng thành công kế hoạch giáo dục cá nhân học sinh từ góc độ tâm lý học - Người học có thể vận dụng các cơ sở tâm lý học trong hoạt động dạy học và kiến tạo lớp học, hoạt động giáo dục đạo đức, thái độ và giá trị sống, hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo, giáo dục trải nghiệm học tập cộng đồng, từ đó thành công trong hoạt động giáo dục toàn diện nhân cách học sinh. 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
3	Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hóa	<p>Học viên nắm được cơ sở khoa học của xu thế phát triển giáo dục, các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục. Các yếu tố ảnh hưởng đến xu thế phát triển giáo dục thế giới nói chung và xu thế phát triển giáo dục Việt Nam nói riêng. Nắm được các quy luật phát triển giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được xu thế phát triển giáo dục của một số nước trên thế giới để vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam. - Có hiểu biết về một số mô hình giáo dục tiêu biểu trong nền kinh tế thị trường. - Hiểu biết về cơ chế quản lý giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và thực tiễn giáo dục Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. - Định hướng và giải pháp đổi mới, phát triển giáo dục-đào tạo Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. - Có khả năng vận dụng những quy luật khách quan để phân tích, đánh giá thực tiễn giáo dục và xu hướng phát triển giáo dục của 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		địa phương, đơn vị.			
4	Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại	<ul style="list-style-type: none"> - Người học có hệ thống tri thức về lý luận dạy học và giáo dục hiện đại, đồng thời làm quen với một số nội dung mới của lý luận dạy học và giáo dục hiện đại như: Mục tiêu dạy học và giáo dục hiện đại; nội dung dạy học và giáo dục hiện đại; nguyên tắc dạy học và giáo dục; các phương pháp và phương tiện tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục; đánh giá kết quả dạy học và giáo dục. - Người học có khả năng vận dụng các kiến thức mới về lý luận dạy học hiện đại trong việc lập kế hoạch và thực hiện quá trình dạy học, giáo dục; đánh giá và đổi mới quá trình dạy học, giáo dục theo định hướng năng lực - Có thái độ tích cực và sẵn sàng đổi mới trong giáo dục 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho học viên hệ thống lý luận cơ bản, hiện đại về nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục. - Giúp học viên nhận thức những vấn đề cơ bản, cấp bách trong thực tiễn giáo dục hiện nay, từ đó định hướng, lựa chọn vấn đề nghiên cứu. - Cung cấp cho học viên lý thuyết về các phương pháp cụ thể được sử dụng để nghiên cứu giáo dục và cách thức tiến hành các hoạt động cơ bản để triển khai nghiên cứu một đề tài khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục học. - Phát triển ở học viên kỹ năng xây dựng đề tài, đề cương nghiên cứu cho đề tài, kỹ năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài cụ thể, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin. - Bồi dưỡng cho học viên kỹ năng triển khai 	4	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		và hoàn thiện một công trình nghiên			
6	Thống kê trong khoa học giáo dục	<p>- Hệ thống hóa được các khái niệm cơ bản về Thống kê mô tả và Thống kê suy diễn; Nắm được các phương pháp thống kê phục vụ cho công tác nghiên cứu trong phạm vi giáo dục và Tâm lý; Xây dựng được tư duy thống kê trong việc quan sát các hiện tượng xã hội và trong giáo dục - tâm lý.</p> <p>- Vận dụng phương pháp thống kê trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục - tâm lý; Lý giải kết quả thống kê sau xử lý.</p> <p>- Thái độ học tập nghiêm túc làm việc khoa học thể hiện tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác giữa các học viên trong quá trình học tập học phần; Thể hiện được quan điểm khoa học có ý thức lĩnh hội những tri thức hiện đại.; Chủ động trong hoạt động học tập và nghiên cứu.</p>	3	HK1	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>
7	Đánh giá trong giáo dục	<p>- Trình bày được một cách hệ thống các khái niệm cơ bản về đánh giá trong giáo dục; Trình bày được các nguyên tắc đánh giá trong giáo dục; Trình bày được các phương pháp và hình thức đánh giá trong giáo dục; Phân tích được qui trình đánh giá kết quả giáo dục học sinh</p> <p>- Xây dựng được kế hoạch đánh giá kết quả giáo dục; Sử dụng tương đối thành thạo một số phương pháp và hình thức đánh giá kết quả giáo dục; Học viên nghiêm túc, khách quan, thận trọng trong quá trình đánh giá kết quả giáo dục.</p>	3	HK1	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>
8	Triết lý giáo dục	<p>- Học viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản: Các khái niệm về triết học, triết lý giáo dục, triết lý giáo dục Việt Nam. Lý luận về triết lý giáo dục qua các thời kỳ lịch sử từ thời cổ đại đến hiện đại; Hiểu được triết lý giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng 8/1945 đến nay.</p> <p>- Biết so sánh, vận dụng triết lý giáo dục qua các thời kỳ vào việc đổi mới hoạt động dạy học và công tác quản lý giáo dục trong bối</p>	3	HK1	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>

		cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay			
9	Quản lý giáo dục trong nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý, quản lý giáo dục, các nguyên tắc quản lý giáo dục trong nhà trường; nội dung, quy trình của hoạt động quản lý giáo dục trong nhà trường; các công cụ, hình thức quản lý giáo dục trong nhà trường. - Rèn luyện các kỹ năng quản lý. Biết vận dụng vào quản lý giáo dục trong nhà trường như quản lý học sinh, quản lý trường học 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
10	Giáo dục học so sánh	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên nắm được cơ sở lý luận của giáo dục học so sánh. Biết được các nguyên tắc, kỹ thuật cơ bản khi nghiên cứu so sánh giáo dục trong lĩnh vực khoa học giáo dục nói chung và quản lý giáo dục nói riêng. - Giúp học viên xác định đề tài thuộc lĩnh vực giáo dục học so sánh, cũng như các bước tiến hành khi nghiên cứu đề tài về so sánh giáo dục. - Thực hiện được các bước trong so sánh giáo dục. Thông qua việc so sánh giáo dục để phát triển năng lực tư duy, năng lực phán đoán, năng lực tổ chức...của học viên. - Biết vận dụng kinh nghiệm qua so sánh giáo dục vào thực tiễn công tác quản lý giáo dục. 	2	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
11	Môi trường và phát triển môi trường giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về môi trường giáo dục và thực trạng môi trường giáo dục hiện nay. - Xây dựng và phát triển môi trường giáo dục tại nơi mình đang công tác - Có ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường giáo dục cho người học. 	2	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
12	Tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên hiểu sâu sắc hơn các cơ sở lý luận tổ chức hoạt động giáo dục. - Học viên có thể tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh và dạy cho sinh viên biết cách tổ chức một hoạt động giáo dục. - Giúp cho học viên yêu nghề và có trách nhiệm với nghề nghiệp, có thái độ đúng mực 	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		với nghề nghiệp của mình.			
13	Phát triển và tổ chức chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức và kỹ năng xây dựng chương trình dạy học theo các mô hình hiện đại - Giúp người học có kiến thức về quá trình phát triển chương trình dạy học như: ý nghĩa, các nguyên tắc phát triển chương trình dạy học; quy trình phát triển các chương trình dạy học; các hoạt động cơ bản của nhà phát triển chương trình dạy học. - Người học có kiến thức về các phương pháp, kỹ thuật quản lý chương trình dạy học nhằm giúp người học có được kiến thức và kỹ năng quản lý chương trình dạy học. - Người học có kỹ năng xây dựng, phát triển và tổ chức các chương trình dạy học - Hình thành thái độ tích cực trong xây dựng, phát triển và tổ chức các chương trình đào tạo. 	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
14	Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho học viên cơ sở lý thuyết về kiểm định và đánh giá chất lượng quá trình đào tạo. - Rèn luyện để hình thành cho học viên hệ thống kỹ năng về kỹ thuật kiểm định và đánh giá chất lượng đào tạo. 	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
15	Phương pháp dạy học giáo dục học	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vị trí, nhiệm vụ, đặc điểm của môn giáo dục học trong nhà trường sư phạm - Phân tích được chương trình và quản lý chương trình giáo dục học - Liệt kê và phân tích được các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học giáo dục học - Xây dựng được kế hoạch tổ chức một hoạt động dạy học môn giáo dục học từ: Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học. - Hình thành kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học môn giáo dục học trong thực tiễn 	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		<p>giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thái độ tích cực trong tổ chức hoạt động giảng dạy giáo dục học trong thực tiễn 			
16	Giáo dục giá trị	<p>Học viên có kiến thức chuyên sâu về giá trị, định hướng giá trị; có hiểu biết về đặc trưng và xu thế định hướng giá trị của con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; nắm vững lý luận về quá trình giáo dục giá trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên hình thành được khả năng phát hiện, giải thích, lập luận các vấn đề về giá trị và giáo dục giá trị; có kỹ năng vận dụng nội dung và phương pháp giáo dục giá trị vào công tác tham vấn học đường. - Học viên có thái độ tích cực trong giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị tốt đẹp của dân tộc và nhân loại. 	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
17	Giáo dục hướng nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên có kiến thức chuyên sâu về hướng nghiệp và giáo dục hướng nghiệp; có hiểu biết về đặc trưng và xu thế định hướng giáo dục hướng nghiệp trong giai đoạn hiện nay; nắm vững lý luận về quá trình giáo dục hướng nghiệp cho học sinh - Học viên hình thành được khả năng phát hiện, giải thích, lập luận các vấn đề về hướng nghiệp và giáo dục hướng nghiệp; có kỹ năng vận dụng nội dung và phương pháp giáo dục hướng nghiệp vào công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trong nhà trường - Hình thành kỹ năng tư vấn, tham vấn và giáo dục hướng nghiệp cho người học - Có thái độ tích cực trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp học sinh; đánh giá đúng vị trí, vai trò của giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường hiện nay 	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
18	Giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Nắm vững những nội dung cơ bản về giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản như: vấn đề tình bạn, tình yêu; vấn đề tình dục an toàn; các phương pháp phòng 	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2

		<p>tránh thai...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: Biết vận dụng những kiến thức về giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản vào đời sống của bản thân cũng như giáo dục, phổ biến các kiến thức đó cho học sinh, sinh viên và những người xung quanh; biết ứng xử đúng mực. - Về thái độ: Có thái độ đúng mực, không e dè đối với việc tiếp nhận các kiến thức về dân số và sức khỏe sinh sản. Có thái độ đúng với các vấn đề trên. 			<ul style="list-style-type: none"> - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
	Tổ chức hoạt động tự học theo định hướng phát triển năng lực	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động tự học theo định hướng phát triển năng lực như: Ý nghĩa của hoạt động tự học; bản chất của hoạt động tự học; cấu trúc của tự học; nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tự học cho người học, kiểm tra đánh giá hoạt động tự học; hệ thống các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá năng lực tự học cho người học. - Hình thành cho người học năng lực tự học cũng như kỹ năng tổ chức các hoạt động tự học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh trong thực tiễn quá trình giáo dục. - Đánh giá đúng đắn ý nghĩa, vai trò của tổ chức hoạt động tự học cho người học theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Có thái độ tích cực, tự giác trong hoạt động học tập và công tác nghề nghiệp sau này. 	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
19	Thích ứng sự phạm	<ul style="list-style-type: none"> - Người học có hệ thống tri thức về thích ứng sự phạm như: Các khái niệm cơ bản về thích ứng sự phạm; vai trò của việc thích ứng sự phạm; các nội dung của thích ứng sự phạm; cơ sở tâm lý của việc thích ứng sự phạm và các biện pháp giúp thích ứng tốt hơn với hoạt động sự phạm. - Người học có khả năng nhận diện và 	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		<p>đánh giá được đặc điểm tâm lý cá nhân, xác định các yêu cầu, chuẩn nghề nghiệp giáo viên cũng như đặc điểm lao động của môi trường sư phạm. Từ đó từ đó xây dựng thành công kế hoạch cá nhân, có khả năng thích ứng tốt hơn môi trường và hoạt động sư phạm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành năng lực tư vấn và phát triển môi trường giáo dục giúp đối tượng người học và đồng nghiệp thích ứng tốt hơn với nghề - Có thái độ đúng đắn với hoạt động sư phạm sau này. 			
20	Giáo dục gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về gia đình và giáo dục gia đình. - Tổ chức, xây dựng môi trường giáo dục phù hợp tại các gia đình Việt Nam - Có ý thức trách nhiệm trong công tác giáo dục nói chung và giáo dục gia đình nói riêng. 	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
21	Giáo dục hòa nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết cơ bản về trẻ khuyết tật, về mô hình giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật. - Mô tả được khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật. - Thực hiện có hiệu quả việc giáo dục trẻ khuyết tật ở tất cả các dạng tật trong lớp hoà nhập. - Tham gia vào hoạt động tư vấn và xây dựng nhóm hỗ trợ cộng đồng. - Yêu nghề, có ý thức trách nhiệm trong việc giáo dục học sinh, đặc biệt là học sinh khuyết tật. 	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
22	Xây dựng văn hóa nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Người học có kiến thức về văn hóa tổ chức (khái niệm, các thành tố, các loại hình và các tầng khác nhau của văn hóa), hiểu biết về nhà trường có môi trường và truyền thống văn hóa tốt, thành công - Biết phân tích, nhận diện những điểm mạnh và điểm yếu trong văn hóa nhà trường; xác định được mối quan hệ giữa văn hóa nhà 	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		<p>trường với vai trò của người lãnh đạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được những yêu cầu cần thiết đối với công tác quản lý, xây dựng văn hóa nhà trường trong bối cảnh văn hóa mạng và giao thoa văn hóa - Biết gắn kết văn hóa với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường - Có khả năng xây dựng và phát triển thành công văn hóa nhà trường 			
23	Phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> - Người học có kiến thức về phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên (khái niệm, các thành tố, các loại hình và các năng lực cần có của người giáo viên) - Nhận diện và phân tích được các chuẩn năng lực nghề nghiệp của người giáo viên, các chức năng, đặc điểm và vai trò của việc phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên. - Liệt kê được các mô hình phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên - Người học có được các kiến thức về hướng dẫn đồng nghiệp phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên như: các lĩnh vực hướng dẫn đồng nghiệp phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên; các hình thức, công cụ, phương pháp hướng dẫn đồng nghiệp phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên. - Hình thành cho người học kỹ năng lập kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên và kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên. - Hình thành kỹ năng phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên - Có thái độ tích cực trong phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên, tích cực học tập, rèn luyện để phát triển năng lực nghề nghiệp bản thân. 	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
2.	Nhập môn Công tác xã hội	Đang soạn thảo	6/2021 thẩm định
3.	Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường	2021	
4.	Kỹ năng tham vấn học đường	2020	
5.	Công tác quản lý của tổ trưởng chuyên môn trường tiểu học	2020	
6.	Lịch sử các tư tưởng giáo dục	2020	
7.	Xu thế phát triển giáo dục	2020	
8.	Giáo trình Tâm lý học giáo dục	2020	
9.	Giáo trình Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	2020	
10.	Giáo trình Kỹ năng giao tiếp	2020	
11.	Giáo trình Lý luận dạy học đại học	2020	
12.	Giáo trình Giáo dục học	2021	
13.	Lý thuyết và thực hành liệu pháp Dohsa-hou trong trị liệu tâm lý trẻ khuyết tật	2021	
14.	Giáo trình quản lý giáo dục mầm non	2022	
15.	Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường		2022
16.	Quản trị tài chính trong giáo dục		2022

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

1. Thạc sĩ Quản lý giáo dục

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ QUẢN LÝ GIÁO DỤC	Quản lý hoạt động dạy học môn toán theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Hòa Vang.	Nguyễn Minh Anh	PGS.TS Nguyễn Bảo Hoàng Thanh	
		Quản lý xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi.	Võ Thị Hoài Bình	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	
		Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm ở các trường trung học cơ sở quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.	Huỳnh Bá Duy	TS. Bùi Việt Phú	
		Quản lý công tác xây dựng văn hóa nhà trường ở các trường trung học cơ sở huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.	Cáp Phi Hà	PGS.TS Lê Quang Sơn	

Quản lý hoạt động giáo dục thể chất cho học sinh tại các trường tiểu học công lập quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng.	Dương Thị Mỹ Hạnh	PGS.TS Lê Quang Sơn	
Quản lý hoạt động tổ chuyên môn ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hội An tỉnh Quảng Nam.	Phạm Hùng	PGS.TS. Trần Xuân Bách	
Quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Anh ở các trường tiểu học trên địa bàn quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng.	Nguyễn Văn Lịch	PGS.TS Nguyễn Bảo Hoàng Thanh	
Quản lý hoạt động giáo dục trẻ mẫu 5 -6 tuổi tại các trường mầm non công lập quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.	Đinh Thị Diệu Linh	PGS.TS. Lê Đình Sơn	
Phát triển đội ngũ giáo viên các trường tiểu học đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.	Nguyễn Thị Thanh Nga	PGS.TS. Phùng Đình Mẫn	
Quản lý hoạt động Giáo dục thể chất cho học sinh tại các trường trung học cơ sở quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng.	Võ Trọng Nghĩa	TS. Nguyễn Thanh Hùng	
Quản lý hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ người dân tộc thiểu số ở các trường Mẫu giáo huyện Nam Giang tỉnh Quảng Nam	Nguyễn Thị Thúy Hằng	PGS.TS. Trần Văn Hiếu	
Quản lý giáo dục phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh ở các trường Tiểu học huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam	Lương Thị Thanh Hương	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	
Quản lý hoạt động dạy học môn Địa lý theo hướng phát triển năng lực học sinh ở các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam	Hồ Vĩnh Sanh	PGS.TS. Phan Minh Tiến	
Phát triển đội ngũ giáo viên Trung học cơ sở huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018	Trần Minh Tú	PGS.TS. Võ Nguyên Du	

		Quản lý dạy học môn tiếng Anh ở các trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam	Trương Văn Nguyễn Vũ	PGS.TS. Lê Quang Sơn	
		Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường Mẫu giáo huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam	Nguyễn Thị Thúy Vy	TS. Lê Mỹ Dung	
		Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum	Phạm Thế Anh	TS. Bùi Việt Phú	
		Phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở huyện Chư Sê tỉnh Gia Lai đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông	Phan Hồng Chương	TS. Đỗ Tường Hiệp	
		Quản lý hoạt động giáo dục phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh ở các trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum	Nguyễn Văn Bình	PGS.TS Lê Quang Sơn	
2	Thạc sĩ TÂM LÝ HỌC	Kỹ năng tự quản lý cảm xúc của giáo viên tiểu học trên địa bàn quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng	Trần Thị Kim Hạnh	TS. Lê Mỹ Dung	
		Nghiên cứu hành vi thích ứng của trẻ rối loạn phổ tự kỷ tại thành phố Đà Nẵng	Phan Thị Như Hoài	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	
		Nhận thức của học sinh THPT thành phố Đà Nẵng về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái	Mai Thị Hồng Khánh	TS. Nguyễn Thị Hằng Phương	
		Hành vi bạo lực học đường của học sinh trung học cơ sở quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Thị Phương Lai	PGS.TS Phùng Đình Mẫn	
		Nhu cầu tham vấn tâm lý của phụ huynh trẻ khuyết tật trí tuệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Đỗ Thị Lam	TS. Lê Mỹ Dung	
		Ứng dụng liệu pháp giải quyết vấn đề hỗ trợ tâm lý cho học sinh trung học cơ sở (nghiên cứu trên học sinh trung học cơ sở trong địa bàn quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng)	Trương Thị Hương Lan	PGS.TS Lê Quang Sơn; BS CKII Lâm Tú Trung	
		Nghiên cứu trí tuệ cảm xúc của học sinh THPT quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Thị Luyên	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	
		Nghiên cứu rối loạn lo âu ở	Đàm Thị Quế Anh	1. PGS.TS. Lê	

		học sinh THPT thành phố Đà Nẵng		Quang Sơn 2. TS. Hồ Thị Thúy Hằng	
		Nghiên cứu nhận thức của sinh viên đại học tại Hà Nội về việc chuẩn bị tâm lý trước hôn nhân	Trần Thị Bình	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh,	
		Nghiên cứu stress ở học sinh THPT thành phố Đà Nẵng	Trần Thị My Ny	TS. Nguyễn Thị Hằng Phương,	
		Nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của học sinh trung học phổ thông tại thị xã Điện Bàn tỉnh Quảng Nam	Đặng Thị Hồng Sương	TS. Hoàng Thế Hải	
		Nghiên cứu trí tuệ cảm xúc của giáo viên các cơ sở can thiệp sớm và hỗ trợ giáo dục hoà nhập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Thị Hải Yến	TS. Lê Mỹ Dung,	
		Ứng phó với stress ở học sinh trung học phổ thông quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Thị Duyên Cơ	PGS.TS. Lê Quang Sơn	
		Kỹ năng nhận diện và thể hiện cảm xúc của trẻ 5-6 tuổi trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi.	Trần Bửu Diễm	TS. Hồ Thị Thúy Hằng	
		Ứng dụng phương pháp Teach trong can thiệp sớm cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ tại thành phố Quảng Ngãi	Trần Thị Phong Hậu	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	
		Chỉ số vượt khó của sinh viên Đại học Đà Nẵng	Trần Minh Phúc	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	
		Nghiên cứu Stress ở Giáo viên Tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Dương Thị Thu Thanh	TS. Nguyễn Thị Hằng Phương	
		Năng lực tư duy phản biện của học sinh trung học phổ thông thành phố Đà Nẵng.	Ngô Ngọc Trâm	TS. Lê Mỹ Dung	
		Nghiên cứu lo âu học đường ở học sinh trung học phổ thông thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Văn Vũ	TS. Hoàng Thế Hải	
3	Thạc sĩ GIÁO DỤC HỌC	Hình thành các khái niệm cơ bản của môn Giáo dục học cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt thông qua dạy học trải nghiệm	Phạm Thị Hải Yến	PGS.TS. Lê Quang Sơn	

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Kết quả đào tạo
-----	---------------------	----------	------------------	--------------	-----------------

	đào tạo		tạo	đào tạo	
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1				
2				

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1						
2						

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1							
2							

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 19
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
ĐƠN VỊ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2021-2022

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó: a Trụ sở chính b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó: a Trụ sở chính b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...							
2	Phòng thực hành...							
3	Xưởng thực tập...							
4	Nhà tập đa năng							
5	Hội trường							
6	Phòng học...							
7	Phòng học đa phương tiện...							
8	Thư viện...							
9	Trung tâm học liệu...							
10	Các phòng chức năng khác							

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	
2	Số chỗ ngồi đọc	
3	Số máy tính của thư viện	
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	
2	Diện tích sân/sinh viên	

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 20
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
ĐƠN VỊ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2021-2022

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành			02	10	9						
a	Khối ngành I											
	Ngành...											
	Ngành...											
b	Khối ngành II											
	Ngành...											
c	Khối ngành III											
	Ngành...											
d	Khối ngành IV											
	Ngành...											
đ	Khối ngành V											
	Ngành...											
e	Khối ngành VI											
	Ngành...											
	Khối ngành VII											
	Ngành...											
2	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I					
	...					
2	Khối ngành II					
	...					
3	Khối ngành III					
	...					
4	Khối ngành IV					
	...					
5	Khối ngành V					
	...					
6	Khối ngành VI					

	...					
7	Khối ngành VII					
	...					

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 21
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
ĐƠN VỊ

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học...	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		
2	Từ học phí	Tỷ đồng		
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng		

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên và đóng dấu)

